

AgroMonitor

CHUYÊN ĐỀ ĐẶC BIỆT
11&12/2010



**Nghị định 109 sẽ tái cấu trúc
kinh doanh lúa gạo thế nào?**

➤ *Thị trường phân bón nổi sóng*

➤ *Thế lưỡng nan của ngành thức
ăn chăn nuôi*

AgroMonitor
www.agromonitor.vn

AgroMonitor JSC
Số 7, Ngõ 1 Nguyễn Trĩ Phương, Ba Đình, Hà Nội
info@agromonitor.vn
+84 4 62733596/ Hotline : 0943 411 411

*AgroMonitor xin chúc Quý khách hàng
một mùa Giáng sinh an lành*



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2010 & TRIỂN VỌNG 2011



Chuyên đề Đặc biệt

Tháng 11&12/2010

Ban biên soạn:

- Phạm Quang Diệu
- Phạm Văn Hanh
- Phạm Thị Hoa

Mục lục

CHUYỂN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG	7
Giá sản xuất khẩu cá tra, basa : Liệu có khả thi?	7
Những chuyển động của thị trường gạo châu Á	7
Brazil trở thành đối tác lớn thứ 2 XK ngô và DDGS sang Việt Nam	8
10 nước XK phân bón lớn nhất vào Việt Nam ngày càng chiếm tỷ trọng lớn	9
Năm 2008: Lượng tiêu dùng thịt lợn bình quân đầu người giảm.....	11
NK phân bón tháng 10/2010, Kali tăng mạnh trong khi Ure giảm mạnh.....	11
Khó khăn mới cho cá tra, basa tại thị trường Tây Ban Nha.....	12
Nhập khẩu phân bón kỳ I tháng 11 tăng mạnh so với cùng kỳ tháng trước	13
Liệu giá ngô, lúa mỳ, đậu tương còn tiếp tục tăng trong dài hạn?	14
Canada, nguồn cung lúa mỳ đang bị bỏ sót	15
Ngành nông nghiệp – Mảnh đất màu mỡ cho giới đầu tư?.....	16
Dòng vốn đầu tư sẽ đổ vào thị trường hàng hóa	17
Campuchia tìm kiếm vị thế mới trên thị trường gạo thế giới	18
LĂNG KÍNH CHUYÊN GIA.....	20
Ổn định Lạm phát và Tỷ giá : <i>Cái Nhìn Ngắn Hạn và Dài Hạn</i>	20
TIÊU ĐIỂM : NGHỊ ĐỊNH 109 VÀ HỆ LUY	23
Xuất khẩu gạo theo nghị định 109: Lợi hại ra sao?.....	23
Nghị định về xuất khẩu gạo: ai được, ai mất ?.....	26
Nghị định 109/2010/NĐ-CP sẽ tái cấu trúc ngành kinh doanh xuất khẩu lúa gạo?.....	27
CHUYỂN ĐỘNG NGÀNH HÀNG.....	29
Thị trường phân bón sẽ tiếp tục nóng.....	29
Thế lưỡng nan của ngành thức ăn chăn nuôi	31
PHÁT NGÔN ÁN TƯỢNG	36

Thủ tướng CamPuChia Hun Sen.....	36
Ông Trương Thanh Phong, chủ tịch VFA	36
Ông Huỳnh Minh Huệ, Tổng Thư ký VFA	36
ẤN PHẨM DO AGROMONITOR PHÁT HÀNH.....	37

CHUYỂN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

Giá sản xuất khẩu cá tra, basa : Liệu có khả thi?

Liên quan đến vấn đề thiết lập giá sản cho xuất khẩu cá tra, basa được đề xuất tại hội nghị doanh nghiệp chế biến và xuất khẩu cá tra vừa qua, bên cạnh những ý kiến tán đồng vẫn xuất hiện một vài lo ngại về cơ chế thực hiện cũng như cách thức tính toán mức sản

Theo đề xuất của Vasep, “giá sản được thiết lập dựa trên các yếu tố chi phí, trong đó giá nguyên liệu được tính trên cơ sở giá thành sản xuất nguyên liệu đảm bảo lợi nhuận cho người nuôi để tiếp tục tái đầu tư với mức sản giá xuất khẩu là 2,8 USD/kg (không kể thị trường Mỹ), đồng thời giá sản mua cá của người dân cũng ổn định ở mức 20.000 đồng/kg.”

Liệu đây có phải là một con số hợp lý khi khác với gạo, các sản phẩm cá tra fillet xuất khẩu rất đa dạng với hàng chục loại khác nhau, là cá thịt trắng hay cá thịt vàng, tỷ lệ mỡ béo cao hay thấp, bao bì, nhãn mác, “có hóa chất” hay “không có hóa chất”.... Trước đó, theo đại diện của một số DN, với mức giá sản cá tra phi lê xuất khẩu là 2,75 USD/kg cho 100% net thì với mức giá thu mua cá nguyên liệu là 18.000 đồng/kg thì DN đã lỗ nếu chỉ cần tăng trọng 5% trong sản phẩm thành phẩm.

Đó là chưa kể tới việc tại từng thị trường, mức giá sản đưa ra cũng phải dựa trên yếu tố mặt bằng giá cạnh tranh. Hiện, cá tra, basa Việt Nam đang phải cạnh tranh với nhiều loại cá khác như cá tuyết, cá rô phi sông Nil... nên tuy tăng giá sản xuất khẩu là cần thiết nhưng cũng cần tính tới yếu tố cạnh tranh, nhằm đảm bảo giữ vững thị phần xuất khẩu. Ngoài ra, cũng có một số thị trường không đòi hỏi quá cao về mặt chất lượng mà giá cả mới là yếu tố quyết định, nên nếu liệu áp đặt giá sản có làm ảnh hưởng tới hoạt động xuất khẩu sang các thị trường này?

Theo đề xuất của Vasep, “định kỳ ba tháng hoặc đột xuất Ủy ban cá nước ngọt có thể triệu tập cuộc họp với các thành viên 20 DN xuất khẩu lớn nhất và đại diện Cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản (Nafiqad) xem xét để rà soát các trường hợp bán dưới giá sản. DN bán phá giá sẽ chịu kỷ luật bằng việc thông báo rộng rãi trong cộng đồng và tạm ngưng cấp chứng thư xuất khẩu.” Tuy nhiên, hiện nay, trong số khoảng 500 DN tham gia hoạt động xuất khẩu cá tra, basa cả nước chỉ có khoảng 100 nhà máy sản xuất chế biến còn lại có tới 400 nhà thương mại, nếu quản lý cả 500 công ty này theo giá sản thì liệu có khả thi? Ngay cả tại Hội nghị DN chế biến và xuất khẩu cá tra vừa qua cũng chỉ có khoảng hơn 100 DN tham gia.

Những chuyển động của thị trường gạo châu Á

Trước những diễn biến bất thường của thời tiết ảnh hưởng tiêu cực đến nguồn cung, và cầu dâng cao, đang diễn ra các động thái chính trị mang tầm quốc gia từ phía cầu để tìm kiếm nguồn cung lương thực ổn định trong dài hạn.

Thị trường gạo thế giới đang trở nên sôi động hơn sau các diễn biến phức tạp của thời tiết gần đây ảnh hưởng đến những nước xuất khẩu chính là Thái Lan, Việt Nam, hay nước nhập khẩu gạo

chính là Philippines. Ngoài ra, tình hình giá lương thực tăng cao ở một số nước Nam Á hay Thái Lan, Trung Quốc cũng làm cho nhiều nước có xu hướng tăng cường ổn định cán cân cung cầu lương thực quốc gia.

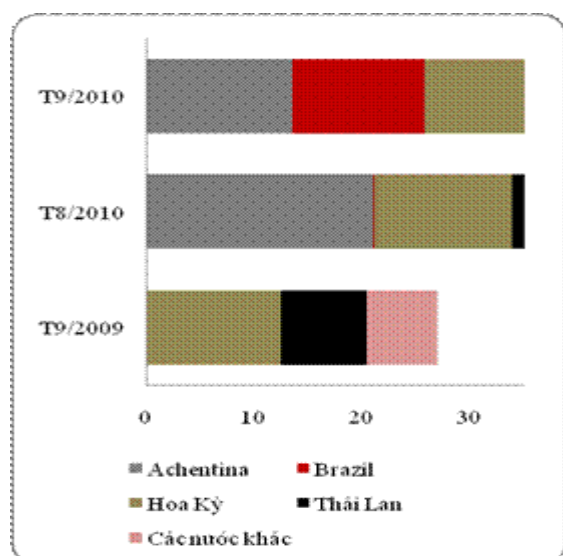
Trước những diễn biến bất thường của thời tiết ảnh hưởng tiêu cực đến nguồn cung, và cầu dâng cao, đang diễn ra các động thái chính trị mang tầm quốc gia từ phía cầu để tìm kiếm nguồn cung lương thực ổn định trong dài hạn. Giới lãnh đạo Philippines đang tích cực tiếp xúc lại với Việt Nam, hoặc tìm nguồn cung mới từ Campuchia. Indonesia sau một thời kỳ tự túc về lương thực cũng đang quay trở lại thị trường gạo thế giới. Trong khi đó, Bangladesh đang thúc đẩy nhập khẩu gạo từ Ấn Độ, không chỉ cho năm 2010, mà cả cho các năm tiếp theo.

Trong bối cảnh thị trường diễn biến phức tạp và nhiều nước tăng nhu cầu nhập khẩu, từ phía cung, Campuchia đang có những bước đi rất chiến lược để trở thành một nước xuất khẩu gạo lớn trong tương lai. Campuchia đã có những cuộc tiếp xúc ở cấp cao với Trung Quốc, và gần đây với Philippines để có thể giành được những hợp đồng cung cấp gạo cho các nước này theo cam kết dài hạn nhiều năm. Rất có thể những động thái này thể hiện tham vọng của Campuchia trong việc tự cường về xuất khẩu gạo, có một vị thế quan trọng trong thị trường gạo quốc tế, thoát ra khỏi tầm ảnh hưởng của Thái Lan và Việt Nam. Xu thế này sẽ có những tác động quan trọng đến xuất khẩu gạo của Việt Nam trong tương lai.

Brazil trở thành đối tác lớn thứ 2 XK ngô và DDGS sang Việt Nam

Tháng 9/2010, Việt Nam nhập khẩu ngô và DDGS từ 11 nhà cung cấp, bằng với con số của tháng 8/2010. 4 nước xuất khẩu chính đã thay đổi so với những tháng trước: bao gồm Acentina, Brazil, Hoa Kỳ và Thái Lan, chiếm 92,95% thị phần.

Nhập khẩu ngô và DDGS của Việt Nam từ 1 số thị trường chính, tháng 9/2010, so sánh với tháng trước và cùng kỳ năm trước (triệu USD)



Nguồn: Tổng cục Hải quan Việt Nam

Tiếp tục xu hướng tăng cường nhập khẩu, kim ngạch nhập ngô và DDGS trong tháng 9/2010 đạt 40,36 triệu USD, tăng 4, 7% so với tháng trước và cao hơn gần 50% so với cùng kỳ năm trước. Tháng 9 cũng chứng kiến sự ra khỏi danh sách của nhiều tên tuổi lớn, đặc biệt là Ấn Độ, khi quốc gia này đạt 1,67 triệu USD kim ngạch và đứng vị trí thứ 4 trong bảng xếp hạng tháng trước. Ngoài Ấn Độ, những rắc rối liên quan đến thủ tục Hải Quan của Ukraine trong thời gian gần đây cũng khiến cho nhập khẩu không chỉ ngô mà cả những loại ngũ cốc khác, phục vụ làm nguyên liệu TACN đều giảm xuống.

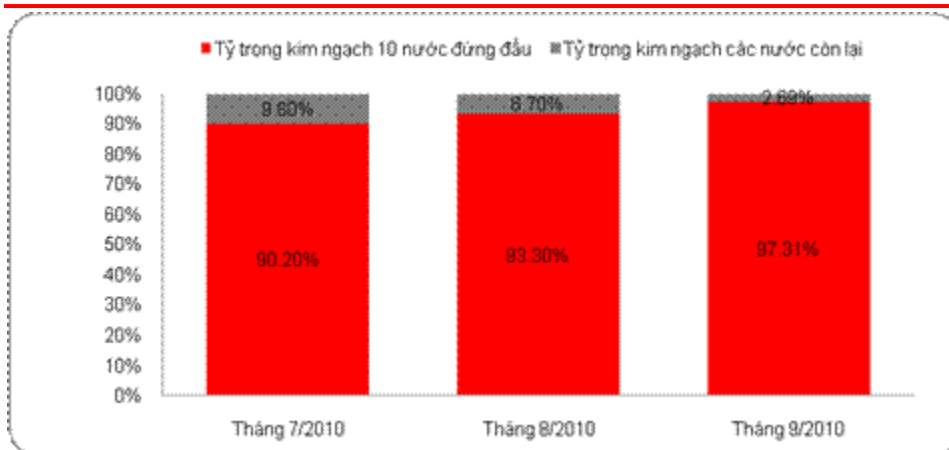
Cùng với việc Ấn Độ không trong danh sách xuất khẩu lớn là việc Brazil vươn lên trở thành đối tác xuất khẩu lớn thứ 2 trong tháng này, với 12,27 triệu USD, tăng hơn 15.000% so với tháng trước. Như vậy, trong những năm gần đây, Brazil nổi lên như một nguồn nguyên liệu chủ yếu trong ngành TACN Việt Nam. Tính chung 9 tháng đầu năm 2010, Brazil đã xuất khẩu 188,9 triệu USD TACN và nguyên liệu sang Việt Nam, tăng hơn 170% so với cùng kỳ năm trước.

Với 13,46 triệu USD kim ngạch, giảm 36,06% so với tháng trước nhưng Argentina vẫn là nước đứng đầu trong danh sách các đối tác xuất khẩu nguyên liệu TACN trong tiểu ngành ngô và DDGS tháng 9/2010. Tuy nhiên, theo thông lệ, thời điểm thu hoạch ngô tại Argentina vào khoảng tháng 3 đến hết tháng 5 nên từ giờ cho đến hết tháng 2/2011 là thời điểm Argentina có thể trong tình trạng khan hàng, việc nhập khẩu nguyên liệu ngô và DDGS từ thị trường này sẽ khó khăn hơn. Sang tuần này, giá DDGS xuất FOB cảng New Orleans bất tăng lên mức 224 USD/tấn kỳ hạn tháng 11, tăng 2,28% (5 USD) so với mức giao dịch tuần trước. Tuy nhiên, đối với kỳ hạn giao tháng 12, giá DDGS xuất FOB, cảng New Orleans vẫn giữ nguyên mức 227 USD/tấn giao dịch vào tuần trước.

10 nước XK phân bón lớn nhất vào Việt Nam ngày càng chiếm tỷ trọng lớn

Theo số liệu công bố chính thức của Tổng cục Hải quan, tháng 9/2010, Việt Nam đã nhập khẩu phân bón từ 25 thị trường khác nhau, giảm 1 thị trường so với tháng 8/2010. Tổng lượng phân bón Việt Nam nhập khẩu từ 10 thị trường lớn nhất (gồm: Trung Quốc, Ấn Độ, Nhật Bản, Canada, Singapore, Philipin, Đài Loan, Hàn Quốc, Nga, Malaysia) đạt 230,66 nghìn tấn với trị giá 74,4 triệu USD, chiếm tỷ trọng 99,25% về lượng và 97,31% về giá trị, tăng so với mức 95,1% về lượng và 93,3% về giá trị của tháng 8/2010.

Tỷ trọng kim ngạch nhập khẩu phân bón của Việt Nam từ 10 thị trường lớn nhất tháng 9/2010, so với tháng 8/2010 và tháng 7/2010 (%)



Nguồn: AGROMONITOR tổng hợp từ số liệu Hải quan.

Trong Top 10 nước xuất khẩu phân bón lớn nhất sang Việt Nam trong tháng 9/2010, thì có tới 8 nước thuộc top 10 trong tháng 8. Trong đó, tuy nhập khẩu phân bón từ Trung Quốc đã giảm 21,45% về lượng và 16,0% về kim ngạch so với tháng trước, nước này vẫn tiếp tục là nhà cung cấp phân bón hàng đầu cho Việt Nam trong tháng 9/2010 với lượng xuất khẩu 138,42 nghìn tấn, trị giá 48,18 triệu USD, chiếm tỷ trọng 59,56% về lượng và 62,98% về kim ngạch. Nếu so với tháng 9/2009, nhập khẩu phân bón từ Trung Quốc đã giảm tới 60,54% về lượng và 51,07% về kim ngạch. Ấn Độ không tham gia xuất khẩu phân bón sang Việt Nam trong tháng 8/2010, nhưng trong tháng 9/2010, nước này đã vươn lên vị trí thứ 2 với 26,13 nghìn tấn, đạt kim ngạch 7,80 triệu USD, tăng tới 422,58% về lượng và 441,81% về kim ngạch so với cùng kỳ 2009. Từ vị trí thứ 8 của tháng trước, Nhật Bản đã trở thành nhà cung cấp phân bón lớn thứ 3 của Việt Nam trong tháng 9/2010, đạt 18,42 nghìn tấn, trị giá 2,45 triệu USD, tăng 147,87% về lượng và 135,72% về kim ngạch so với tháng 8/2010.

Như vậy, lượng và kim ngạch nhập khẩu phân bón của Việt Nam đang ngày càng có xu hướng phụ thuộc vào 10 nhà cung cấp lớn nhất, đứng đầu là Trung Quốc. Do đó thị trường phân bón nội địa chịu ảnh hưởng không nhỏ từ việc tăng giá trên thị trường Trung Quốc. Đặc biệt, hiện nay nhu cầu phân bón cho vụ Đông Xuân – vụ lúa lớn nhất trong năm tại Việt Nam là khá cao. Đó là chưa kể tới tình hình thời tiết khắc nghiệt như hạn hán, ngập mặn và sâu bệnh nhiều nên nhu cầu phân bón lớn hơn so với các vụ Đông Xuân trước. Trong khi đó nguồn cung nội địa hạn hẹp, 10 tháng đầu năm chỉ đạt 4,53 triệu tấn, thấp hơn nhiều so với mức 5,63 triệu tấn của cùng kỳ năm 2009. Thêm vào đó, biến động trên thị trường ngoại hối cũng gây khó khăn cho các doanh nghiệp nhập khẩu phân bón trong những tháng tiếp theo. Ngoài ra, mối đe dọa lớn với ngành phân bón khi Tập đoàn than – Khoáng sản đang đề xuất chính phủ tăng giá bán than tại thị trường nội địa áp dụng từ năm 2011.

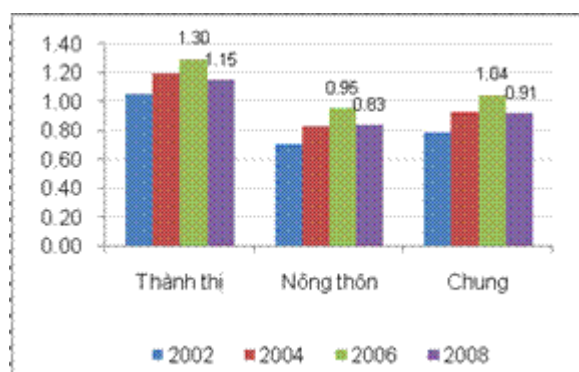
Và nếu như đề xuất này được thực hiện thì phân bón sẽ là một trong những ngành chịu ảnh hưởng nặng nề nhất. Như vậy, trong ngắn hạn và ngay cả trong trung hạn, giá phân bón nội địa vẫn sẽ tiếp tục duy trì đà tăng.

Năm 2008: Lượng tiêu dùng thịt lợn bình quân đầu người giảm

Theo kết quả nghiên cứu của AgroMonitor dựa trên bộ số liệu điều tra mức sống dân cư (VHLSS[1]) năm 2008 của Tổng cục Thống kê cho thấy, tiêu dùng thịt lợn bình quân đầu người của cả nước có xu hướng giảm so với năm 2006.

Theo đó, tiêu dùng thịt lợn bình quân đầu người/tháng của cả nước năm 2008 là 0,91 kg, giảm 0,13 kg (tương đương giảm 12,3%) so với năm 2006. Khu vực thành thị có mức giảm tiêu dùng thịt lợn bình quân đầu người lớn hơn khu vực nông thôn (thành thị giảm 0,15 kg/người, nông thôn giảm 0,12 kg/người). Mặc dù lượng tiêu dùng thịt lợn giảm nhưng do giá thịt lợn tăng nên giá trị tiêu dùng thịt lợn tươi sống bình quân đầu người/tháng của cả nước năm 2008 vẫn tăng 36,1% (tương đương tăng 11.000 đồng) so với năm 2006. Rất có nhiều khả năng mức giảm này do vào năm 2008 giá cả đã tăng vọt

Lượng tiêu dùng thịt lợn bình quân đầu người/tháng của cả nước và theo khu vực nông thôn, thành thị năm 2002-2008 (kg/người/tháng)

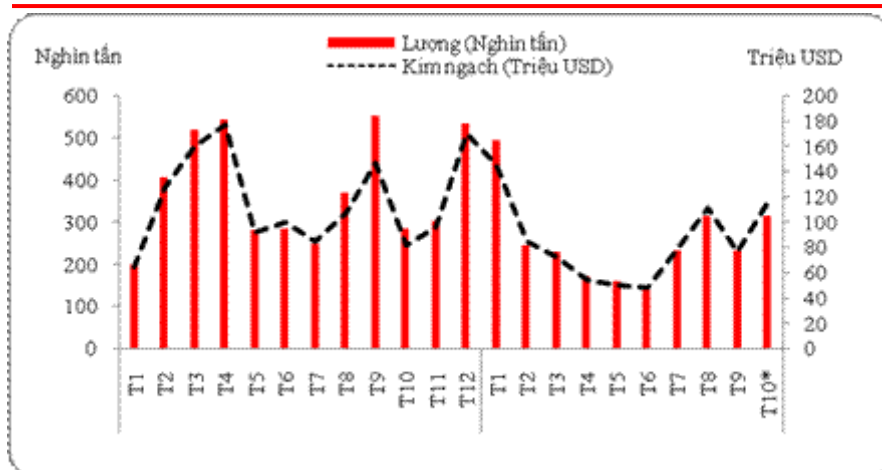


Nguồn: AgroMonitor tính toán từ số liệu VHLSS 2002-2008

NK phân bón tháng 10/2010, Kali tăng mạnh trong khi Ure giảm mạnh

Sau khi suy giảm tương đối mạnh trong tháng 9/2010, nhập khẩu phân bón của Việt Nam đã tăng mạnh trở lại vào tháng 10/2010. Theo thống kê sơ bộ của Tổng Cục Hải quan, nhập khẩu phân bón của Việt Nam trong tháng 10/2010 đạt 312,58 nghìn tấn với trị giá 115,88 triệu USD, tăng mạnh 34,5% về lượng và 51,5% về trị giá so với tháng 9/2010.

Lượng và kim ngạch nhập khẩu phân bón theo tháng từ tháng 1/2009- 10/2010



Nguồn: AGROMONITOR tổng hợp từ số liệu Hải quan.

Lượng nhập khẩu phân bón trong tháng 10/2010 tăng ở hầu hết các chủng loại trong đó lượng nhập khẩu Kali với mức tăng đứng đầu. Duy nhất có mặt hàng Ure giảm lượng nhập khẩu so với tháng 9/2010. Cụ thể: Theo số liệu thống kê sơ bộ của Tổng cục Hải quan, nhập khẩu Ure trong tháng 10/2010 đạt 45,89 nghìn tấn, kim ngạch 14,67 triệu USD, giảm 39,51% về lượng và 33,95% về kim ngạch so với tháng 9/2010. Nhập khẩu Kali đạt 84,86 nghìn tấn, kim ngạch 33,85 triệu USD, tăng mạnh 208,07% về lượng và 205,63% về kim ngạch so với tháng 9. Lượng NPK nhập khẩu trong tháng 10/2010 đạt 14,5 nghìn tấn, kim ngạch 5,93 triệu USD, tăng 56,13% về lượng và 67,70% về kim ngạch so với tháng trước. Còn lại, nhập khẩu SA đạt 55,19 nghìn tấn với kim ngạch 7,93 triệu USD, tăng 37,43% về lượng và 53,68% về kim ngạch so với tháng 9/2010.

Như vậy có thể thấy, lo ngại trước tình hình nguồn cung khá hạn hẹp cho vụ Đông Xuân – vụ lớn nhất trong năm đang diễn ra, lượng nhập khẩu trong tháng 10 đã được cải thiện. Thêm vào đó, sản xuất trong nước cũng đang được điều chỉnh theo hướng có lợi (Chính phủ đề nghị tạm dừng xuất khẩu phân DAP và Ure đến hết ngày 31/12/2010 đồng thời nâng cao năng lực sản xuất). Tuy nhiên, trước áp lực tăng giá phân bón trên thị trường thế giới, đặc biệt là thông tin Trung Quốc sắp tăng thuế xuất khẩu phân bón trong thời gian tới (có thể từ cuối tháng 11 hoặc đầu tháng 12/2010), cùng với diễn biến thị trường ngoại hối khó khăn cho doanh nghiệp nhập khẩu Việt Nam, thì nguồn cung nhập khẩu 2 tháng cuối năm 2010 vẫn còn gặp nhiều bất lợi. Lũy kế nguồn cung nhập khẩu và sản xuất trong nước 10 tháng đầu năm 2010 đạt 4,64 triệu tấn, giảm mạnh so với mức 6,02 triệu tấn của cùng kỳ năm trước. Do đó, thị trường phân bón nội địa thời gian tới vẫn tiếp tục xu hướng tăng giá. Và mức độ dao động mạnh hay yếu sẽ còn phụ thuộc vào sự điều tiết của thị trường.

Khó khăn mới cho cá tra, basa tại thị trường Tây Ban Nha

Tuần này, thị trường thủy hải sản tươi sống Mercabarna (Tây Ban Nha) bắt đầu khởi sắc trở lại. Kết thúc phiên giao dịch ngày 23/11, giá tôm tươi đã tăng 1,1 USD/pao so với tuần trước, đứng ở mức 41,1 EUR/kg.

Đặc biệt, giá tôm thẻ đông lạnh ghi nhận mức tăng trưởng vượt bậc so với 2 tuần trước, đạt 9 EUR/kg, tăng 51,3% (tương đương tăng 3,05 EUR/kg). Đây là mức tăng cao nhất của tôm thẻ từ đầu năm đến nay.

Mới đây, Đảng Xanh xứ Canarie (Tây Ban Nha) đã yêu cầu Bộ Giáo dục nhanh chóng rút cá tra, basa Việt Nam ra khỏi thực đơn trong căng tin các trường học thuộc khu vực này. Đây là khu tự trị thứ 2 tại Tây Ban Nha sau xứ Basque có hành động tương tự. Theo phát ngôn viên của đảng này, tổ chức người tiêu dùng (OCU) đã đưa ra khuyến cáo người dân không nên sử dụng các sản phẩm cá nuôi trồng từ Việt Nam do nhiễm dư lượng thuốc trừ sâu và thủy ngân. Trước đó, OCU đã công bố kết quả kiểm tra 23 mẫu cá tra, basa Việt Nam trong đó có 4 mẫu chứa chất trifluoralin – một loại thuốc trừ sâu bị cấm tại EU, 9 mẫu khác có dư lượng thủy ngân cao. Như vậy, sau cáo buộc cách đây vài tuần của một nghị sĩ Scotlen rằng cá tra nuôi ở Việt Nam là do những người lao động “nô lệ” sản xuất cũng như sông Mekong là 1 “thảm họa” về môi trường, đây là động thái mới nhất nhằm vào sản phẩm cá tra, basa Việt Nam.

Nhập khẩu phân bón kỳ I tháng 11 tăng mạnh so với cùng kỳ tháng trước

Theo thống kê sơ bộ của Tổng cục Hải quan, nhập khẩu phân bón trong kỳ I tháng 11/2010 đạt 246,85 nghìn tấn với kim ngạch 93,41 triệu USD, bằng 78,97% về lượng và 80,61% về trị giá so với mức nhập khẩu tháng 10/2010.

Nếu so với giá trị nhập khẩu phân bón của cùng kỳ tháng trước, thì nhập khẩu phân bón kỳ I tháng 11 đã tăng khoảng 100% cả về lượng và trị giá. Lũy kế nhập khẩu phân bón từ đầu năm 2010 tới kỳ I tháng 11/2010 đạt 2,77 triệu tấn với kim ngạch 928,05 triệu USD.

Trong cơ cấu nhập khẩu phân bón kỳ I tháng 11/2010, thì Ure là chủng loại nhập nhiều nhất, NPK nhập ít nhất. Cụ thể: Nhập khẩu Ure trong 15 ngày đầu tháng 11/2010 đạt 76,9 nghìn tấn, kim ngạch 29,45 triệu USD, tăng rất mạnh, gấp 7,7 lần về lượng và 9,5 lần về kim ngạch so với cùng kỳ tháng trước. Tương tự như vậy, lượng nhập khẩu Kali và SA trong kỳ I tháng 11 đều tăng so với cùng kỳ tháng trước. Trong đó, nhập khẩu Kali đạt 64,45 nghìn tấn, kim ngạch 25,57 triệu USD, tăng khoảng 2,8 lần về lượng so với cùng kỳ tháng 10. Nhập khẩu SA trong kỳ I tháng 11 đạt 33,57 nghìn tấn, kim ngạch 5,06 triệu USD, tăng 29,8% về lượng và 34,22% về kim ngạch so với cùng kỳ tháng trước. Nhập khẩu phân DAP trong kỳ I tháng 11/2010 đạt 39,02 nghìn tấn, kim ngạch 20,03 triệu USD, giảm 18,7% về lượng và giảm 5,74% về trị giá so với cùng kỳ tháng trước. Nhập khẩu NPK trong kỳ I tháng 11 có giá trị thấp nhất, đạt 19,58 nghìn tấn, tương đương kim ngạch 7,77 triệu USD.

Như vậy, trước bối cảnh giá phân bón nội địa đang tăng cao cùng với lo ngại nguồn cung hạn hẹp. Lượng nhập khẩu phân bón đã được tăng mạnh vào tháng 10/2010, và tương đối lớn trong kỳ I tháng 11/2010. Trong khi đó, sản xuất trong nước vẫn đang tiếp tục được nâng cao năng suất, và dừng hẳn xuất khẩu Ure và DAP đến hết 31/12/2010. Tuy nhiên, giá phân bón trên thị trường thế giới vẫn tăng và chưa có dấu hiệu dừng lại. Ngoài ra, Trung Quốc sắp nâng thuế suất khẩu phân bón (có thể vào đầu tháng 12/2010). Do đó, giá phân bón trong nước được dự đoán có thể vẫn tiếp tục tăng, nhưng không quá căng thẳng như hiện nay và sẽ hạ nhiệt trong thời gian tới.

Liệu giá ngô, lúa mì, đậu tương còn tiếp tục tăng trong dài hạn?

Trong báo cáo ra vào tháng 11/2010 mới đây, USDA đã đưa ra nhiều con số đáng báo động về tình hình sản xuất, dự trữ và tiêu dùng ngũ cốc thế giới.

Ngô

Sản lượng ngô niên vụ 2010/11 của Hoa Kỳ giảm 124 triệu bushel, xuống còn 12.540 triệu bushel do năng suất sản xuất trên cả nước thấp hơn mọi năm. Dự trữ ngô Hoa Kỳ cũng ở mức thấp nhất kể từ niên vụ 1995/96 tới nay và tỷ lệ dự trữ trên tiêu dùng chỉ vón vện con số 6,2% trong niên vụ 2010/11. Trong khi đó, sản lượng ngô thế giới cũng thấp hơn 1,1 triệu tấn so với niên vụ trước, còn 818,52 triệu tấn. Sản lượng giảm một phần do suy giảm sản lượng tại Hoa Kỳ. Tuy nhiên, mức giảm không nhiều do đã được bù đắp bởi 2 triệu tấn tăng thêm từ thị trường Trung Quốc. Dự trữ ngô thế giới ước tính thấp hơn khoảng 2,3 triệu tấn so với 129,2 triệu tấn, mức thấp kỷ lục của niên vụ 2006/07.

Đậu tương

Tiếp tục có những thông tin xấu về đậu tương, USDA vừa qua đã giảm ước tính sản lượng đậu tương Hoa Kỳ xuống 33 triệu bushels, còn 3.275 tỷ bushels do năng suất giảm. USDA cũng ước tính năng suất đậu tương trung bình của Hoa Kỳ vào khoảng 43,9 bushel/acre, giảm 0,5 bushel/acre so với ước tính tháng trước.

Trong khi đó, xuất khẩu đậu tương tại Hoa Kỳ lại tăng tương đối mạnh, 50 triệu bushel, đạt 1.570 tỷ bushel do nhu cầu nhập khẩu lớn, đặc biệt là thị trường Trung Quốc, chiếm 70% tổng kim ngạch xuất khẩu đậu tương từ Hoa Kỳ. Xuất khẩu tăng cao khiến lượng dự trữ tại đây giảm xuống 80 triệu bushel, còn 185 triệu bushel.

Tổng sản lượng đậu tương thế giới ước đạt 257,4 triệu tấn, tăng 2,1 triệu tấn, chủ yếu do 2 triệu tấn tăng thêm từ Argentina. Sản lượng đậu tương tại Brazil, Ấn Độ và Hàn Quốc cũng tăng cao nên đã bù đắp được sản lượng thiếu hụt từ Hoa Kỳ.

Lúa mì

Dự trữ lúa mì Hoa Kỳ niên vụ 2010/11 giảm xuống còn 848 triệu bushel do năng suất giảm nhẹ so với ước tính tháng trước, từ mức 46,7 bushel/acre xuống 46,4 bushel/acre. Xuất khẩu và tiêu dùng vẫn không thay đổi so với ước tính tháng trước. Tổng sản lượng lúa mì thế giới dự báo quanh ngưỡng 642,89 triệu tấn, tăng từ mức 641,11 triệu tấn ước tính tháng trước chủ yếu do tăng sản lượng từ Argentina, Australia, EU-27 và Paraguay. Cũng giống như các loại ngũ cốc khác, dự trữ lúa mì thế giới giảm 2,15 triệu tấn, xuống còn 172,51 triệu tấn do nhu cầu tăng cao. Niên vụ

2010/11, nhu cầu tiêu thụ lúa mì thế giới tăng 2,5 triệu tấn bắt nguồn từ nhu cầu tiêu thụ lúa mì cho ngành TACN của Trung Quốc.

Như vậy, nguồn cung ngũ cốc thế giới trong dài hạn đang ở mức thấp. Theo nhiều nhà phân tích, 1 tỷ bushel dự trữ ngũ cốc là mức đáng báo động tại Hoa Kỳ nhưng dự trữ ngũ cốc niên vụ 2010/11 còn thấp hơn 17% so với mức 1 tỷ bushel. Ngoài ra, điều đáng lo ngại là hiện tượng La Nina ở vùng Nam Mỹ khiến sản lượng ngũ cốc vụ xuân tại đây có thể bị ảnh hưởng lớn. Nếu hiện tượng La Nina vẫn tiếp tục kéo dài tới thời điểm thu hoạch tháng 3/2011 thì sản lượng tại Nam Mỹ có thể giảm sâu (hiện Brazil và Argentina chiếm 50% nguồn cung đậu tương thế giới). Trong năm 2008, hiện tượng La Nina ảnh hưởng tới sản lượng đậu tương tại Argentina nhưng nguồn cung thế giới đã được bù đắp bởi sản lượng đậu tương của Hoa Kỳ. Tuy nhiên, hiện nay, Hoa Kỳ không thể bù đắp được lượng thiếu hụt lớn từ Argentina do dự trữ nội địa đang ở mức rất thấp. Như vậy, sớm hay muộn, giá ngũ cốc (ngô, đậu tương, lúa mì) sẽ tiếp tục tăng cao trong dài hạn.

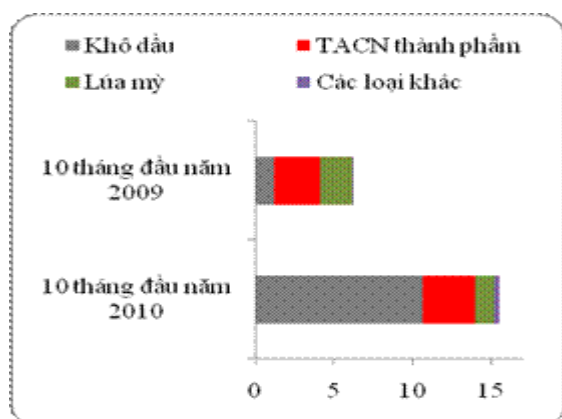
Canada, nguồn cung lúa mì đang bị bỏ sót

Theo các chuyên gia của Cereals, Canada có thể có một vụ thu hoạch lúa mì bội thu trong năm 2011 nhưng vẫn thấp hơn dự báo được đưa ra trước đó do mưa lớn vừa qua ảnh hưởng tới tiến trình gieo cấy lúa mì tại đây. Tuy nhiên, sản lượng lúa mì năm 2011 vẫn được dự báo tăng mạnh so với năm trước.

Theo các chuyên gia, sản lượng tăng cao chủ yếu bắt nguồn từ tỉnh Ontario do diện tích gieo cấy lúa mì tại đây lên tới 1,23 triệu acre, tăng mạnh so với con số 960 nghìn acre năm 2010 và 800 nghìn acre năm 2009. Nhu cầu tiêu thụ lúa mì hàng năm của Canada vào khoảng 800 nghìn tấn, và sản lượng lúa mì còn lại sẽ được dành cho xuất khẩu.

Theo số liệu thống kê từ Tổng cục Hải quan Việt Nam, tổng kim ngạch xuất khẩu TACN và nguyên liệu của Canada 10 tháng đầu năm 2010 sang Việt Nam đạt 15,55 triệu USD, đứng vị trí thứ 21 trong ngành TACN Việt Nam. Mặc dù không nằm trong top 10 nước dẫn đầu nhưng kim ngạch xuất khẩu của Canada 10 tháng đầu năm 2010 đã tăng tới 152% so với cùng kỳ năm 2009.

Cơ cấu nhập khẩu TACN và nguyên liệu của Việt Nam từ Canada 10 tháng đầu năm 2010, so với cùng kỳ năm 2009 (triệu USD)



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong cơ cấu nhập khẩu 10 tháng đầu năm 2010, Việt Nam chủ yếu nhập khô dầu (Hscode: 2306) từ Canada, với 10,67 triệu USD kim ngạch, chiếm 68,6% tỉ trọng. Ngoài khô dầu, Việt Nam còn nhập lượng lớn TACN thành phẩm từ thị trường này, đạt 3,3 triệu USD, chiếm 21,2 % tỉ trọng. Khác với những năm trước, lúa mỳ luôn là nguyên liệu được ưa chuộng nhập khẩu nhất tại Canada, nhưng 10 tháng đầu năm nay, Việt Nam chỉ nhập vồn vèn con số 1,24 triệu USD lúa mỳ, giảm gần 40% so với cùng kỳ năm trước. Tuy nhiên, trong những tháng tới, các doanh nghiệp Việt Nam nên chú trọng tới Canada như một thị trường thay thế cho các thị trường nhập khẩu lúa mỳ truyền thống khác khi mà việc nhập khẩu đang khó khăn và giá đang ở mức cao.

Ngành nông nghiệp – Mảnh đất màu mỡ cho giới đầu tư?

ETF Securities đăng tải một báo cáo về những diễn biến giá cả của các sản phẩm nông sản trong thời gian gần đây. Báo cáo xem xét các xu hướng, lĩnh vực đầu tư cũng như những hàm ý đối với ngành nông nghiệp. Đặc biệt, báo cáo tập trung vào các mặt hàng như ngô, ca cao, đậu tương, đường, cà phê và bông.

Daniel Wills, chuyên gia phân tích cao cấp tại ETF Securities cho biết: “Gần đây, giá cả của rất nhiều mặt hàng nông sản đạt đỉnh trong vòng nhiều năm. Cụ thể, giá ngô và lúa mỳ đạt mức cao nhất trong vòng hai năm qua, giá bông tăng tới mức kỷ lục trong vòng 140 năm. Lượng hàng tồn kho, việc định vị thị trường và thời tiết biến động đóng vai trò then chốt đối với sự tăng giá mạnh của hàng hóa gần đây. Sự tăng giá cũng được phản ánh ở chỉ số lợi nhuận của thị trường buôn bán trao đổi hàng hóa (ETC) của ETF Securities, ví dụ, chỉ số bông ETC đã tăng 64% tính từ đầu năm tới nay.

Giá cả diễn biến theo xu hướng tăng lên và trở nên biến động hơn kể từ năm 2003, phản ánh sản lượng lương thực đã không đủ để đáp ứng mức độ gia tăng của sức cầu trong trung hạn. Phản ánh

xu hướng này, chỉ số giá lương thực của FAO trong tháng 10 đã chạm ngưỡng kỷ lục trong vòng 27 tháng qua. Báo cáo này đã làm nổ ra cuộc tranh luận về sự trở lại của cuộc khủng hoảng lương thực trong giai đoạn năm 2007-2008.

Dòng vốn đầu tư sẽ đổ vào thị trường hàng hóa

Từ trước tới nay, lĩnh vực nông nghiệp thường có ít mối liên hệ với chu kỳ kinh doanh do tính đặc thù của ngành sản xuất lương thực. Ngoài mối liên hệ của ngành này đối với cơ cấu của các thị trường mới nổi trong dài hạn thì mối liên hệ không chặt chẽ với chu kỳ kinh doanh đã khiến ngành này trở nên phổ biến đối với các nhà đầu tư đang tìm kiếm cơ hội đầu tư an toàn và có tiềm năng tăng trưởng trong dài hạn.

Trong trung hạn, giá thực phẩm sẽ tiếp tục tăng cao hơn khi nhu cầu lương thực của các thị trường mới nổi tăng lên do sự gia tăng của dân số và thu nhập. Các mặt hàng lương thực đang phải cạnh tranh với các nguồn lực hạn chế như đất, nước, phân bón đầu vào. Ngoài ra, nhu cầu sử dụng các mặt hàng lương thực cho những ứng dụng khác cũng đang gia tăng như sản xuất năng lượng sinh học. Ví dụ, hiện tại sản xuất ethanol đã chiếm gần 1/3 sản lượng ngô hàng năm của Hoa Kỳ, tăng 5% so với thập kỷ trước.

Hiện tại, giá kỳ hạn của một số mặt hàng nông sản đã vượt mức kỷ lục vào thời kỳ khủng hoảng lương thực năm 2007-2008. Các nhà đầu tư trong lĩnh vực buôn bán trao đổi hàng hóa đang thu được lợi nhuận lớn từ các khoản đầu tư so với năm 2009 khi giá cả hàng hóa ở mức khá thấp

Trong khi các nhà hoạch định chính sách phải đối mặt với rất nhiều vấn đề nan giải như thay đổi khí hậu, nguồn nước cạn kiệt, dân số thế giới tăng lên, diện tích đất nông nghiệp giảm dần, v.v thì các ngân hàng và lãnh đạo của các quỹ lại xem những vấn đề này như là các cơ hội kiếm lời mới trong bối cảnh khó khăn đang ngày càng gia tăng trên toàn cầu.

Bất chấp sự suy thoái kinh tế gây ra tình trạng thất nghiệp hàng loạt và nhiều vấn đề khác cho các chính phủ cũng như người dân, giới đầu tư vẫn kiếm được bội tiền. Các tổ chức tài chính và các cá nhân với nguồn vốn cao có cơ hội làm giàu thêm nguồn tài sản của mình nhờ các chính sách chống suy thoái của chính phủ và các mức lãi suất thấp.

Vấn đề là đầu tư tiền vào đâu bởi vì những kênh đầu tư truyền thống như trái phiếu, bất động sản và các công ty phụ thuộc vào nhu cầu tiêu dùng trên toàn cầu làm nhiều người nghi ngờ sẽ khiến tình trạng giảm phát gia tăng.

Tính tới thời điểm này, các quỹ đầu tư trên toàn cầu đã đầu tư khoảng 15-20 tỷ đô la vào ngành nông nghiệp, chủ yếu là đất nông nghiệp. Theo ước tính, khoảng 50% diện tích đất nông nghiệp của Hoa Kỳ sẽ bị “sang tên đổi chủ” trong vòng thập kỷ tới bởi người dân hiện đang canh tác những diện tích này sẽ đến tuổi nghỉ hưu và các thành viên trẻ tuổi thừa kế không quan tâm đến nghề nông.

Campuchia tìm kiếm vị thế mới trên thị trường gạo thế giới

Ông Siphana cố vấn của Chính phủ Hoàng gia Campuchia cho rằng: “ Chúng tôi muốn xuất khẩu mọi thứ mà chúng tôi có thể nhưng chúng tôi cũng lưu ý rằng chúng tôi là “lính mới” trên thị trường xuất khẩu này.

Ông cho biết thêm “Chúng tôi muốn bắt đầu một cách chậm rãi với những bước đi cẩn trọng vì các nhà kinh doanh của chúng tôi chưa từng tham gia vào hệ thống thương mại thế giới, bởi vậy chúng tôi muốn bắt đầu với những khối lượng nhỏ và đặc biệt ưu tiên xuất khẩu trong khu vực ASEAN.

Ông cho biết chính phủ Campuchia sẽ chuẩn bị một bản thảo chính thức biên bản ghi nhớ với Philippin về việc xuất khẩu gạo. Văn bản này có khả năng được ký kết trong năm nay.

Một thành viên khác trong Chính phủ Campuchia cho biết nước này đang cố gắng phát triển lĩnh vực xuất khẩu gạo và đã chào bán ít nhất 100.000 tấn gạo mỗi năm cho Philippin. Tuy nhiên, chi tiết về vấn đề này vẫn đang tiếp tục được làm rõ.

"Chúng tôi sẽ không thể xuất khẩu ngay khối lượng gạo đó, nhưng chúng tôi sẽ bắt đầu với những gì mình có", ông Mao Thura, Bộ trưởng Thương mại Campuchia cho biết. Công ty Green Trade, một công ty xuất khẩu gạo thuộc sở hữu nhà nước sẽ chịu trách nhiệm xuất khẩu.

Tổng giám đốc của Green Trade, ông Thon Virak cho biết Chính phủ Campuchia đã đề nghị công ty này xuất khẩu 200.000 tấn gạo và ông cũng cho biết mặc dù các chi tiết vẫn đang được bổ sung nhưng Chính phủ Philippin đã thông qua việc này.

Năm nay, Philippin đã nhập khẩu mức kỷ lục 2,45 triệu tấn gạo và nước này thường nhập khẩu mặt hàng này từ Việt Nam và Thái Lan.

Theo ước tính, siêu bão gần đây chỉ gây ảnh hưởng rất nhỏ đến sản xuất lúa tại miền bắc Philippin và các quan chức cho biết năm nay, nước này không cần nhập khẩu thêm gạo. Ông Banayo cho biết theo khảo sát của cơ quan này, Philippin thiệt hại khoảng 257.653 tấn thóc do siêu bão Megi, chưa bằng một nửa so với ước tính mà bộ Nông nghiệp đưa ra vào hôm thứ Năm vừa qua.

Tuy nhiên, ông cho biết thêm, Philippin cũng không vội vàng nhập khẩu gạo để đáp ứng nhu cầu trong năm 2010.

Vào tháng 11 hoặc tháng 12, chính phủ sẽ đưa ra quyết định về lượng nhập khẩu cho năm tới, nhưng theo ông lượng nhập khẩu sẽ không cao hơn mức 1 triệu tấn và được chia chia làm nhiều đợt.

Ông cho biết: “Tôi không thể đợi đến khi giá gạo giảm xuống. Nếu giá trở nên “mềm hơn”, tôi sẽ quyết định nhập khẩu” – *Reuter*

Ổn định Lạm phát và Tỷ giá : *Cái Nhìn Ngắn Hạn và Dài Hạn*

Phạm Đỗ Chí¹

Tuần trước, giới truyền thông quốc tế rộ lên với bài phân tích của IMF cho rằng các nền kinh tế mới nổi đang dẫn đầu sự phục hồi kinh tế toàn cầu, dù có đang chậm lại từ quý 3 năm nay do tăng trưởng kinh tế Mỹ bị chậm lại hơn dự báo đầu năm, châu Âu tiếp tục khủng hoảng nợ công, hay kinh tế Nhật vẫn còn ỉ ạch, và cũng do Trung Quốc đang cố “làm nguội bót” nền kinh tế để tránh tình trạng “bong bóng”.

Thêm vào đó là tin ước tính các nền kinh tế mới nổi ở châu Á sẽ nhận được các “dòng vốn nóng” đáng kể khoảng trên 900 tỷ USD năm nay, tức là gấp rưỡi mức năm 2009. IMF cũng đề nghị một lộ chính sách và biện pháp để trung hòa tác động của các dòng vốn đó lên kinh tế mỗi nước. Chuyện này nhắc lại cho chúng ta câu chuyện tương tự của dòng vốn gián tiếp gần 10 tỷ đô la đã vào Việt Nam năm 2007 và gây không ít khó khăn cho tình hình vĩ mô năm đó.

Khi các nước bạn láng giềng đang xôn xao với khó khăn “tiền vào nhiều” phải đối phó của anh nhà giàu, thì Việt Nam lại đang khổ tâm với nỗi niềm của anh nhà nghèo nhận được “tiền vào ít”, nhất là với tin dòng vốn nóng không vào Việt Nam hay ngay cả nguồn FDI cũng đang chậm lại trong quý 3. Nguyên nhân là lòng tin của giới đầu tư nguội dần với tình trạng kinh tế vĩ mô bất ổn, nhất là mức lạm phát sẽ vọt tăng trở lại đến gần với 2 con số, tỷ giá tiền VNĐ đã mất trên 10% trong vòng 12 tháng qua và được dự báo còn tiếp tục xuống làm giá trị đầu tư mất dần. Ngoài ra niềm tin của giới đầu tư trong nước và các doanh nhân cũng ở tình trạng tương tự với lãi suất cao và thị trường tín dụng gần như tê liệt.

Vì vậy với *cái nhìn ngắn hạn*, cần phải ổn định được lạm phát, tỷ giá và lãi suất để vừa tránh một cuộc khủng hoảng tiền tệ với các biến số vĩ mô có thể vượt vòng kiểm soát, vừa thu hút trở lại các dòng vốn trực tiếp và gián tiếp.

Sau nhiều tháng đã được kìm hãm, lạm phát tháng 9 tăng vọt 1,31 % so với tháng 8 và tháng 10 tăng 1,05% so với tháng 9 (tăng 7,5% từ đầu năm). Tình trạng tăng giá có thể tiếp tục trong 2 tháng còn lại của năm do sự tăng cung tiền nhanh chóng trong quý 2 và 3, cũng như ảnh hưởng của giá dầu đang trở lại mức 85\$/thùng và mức tăng giá thực phẩm trong 2 tháng vừa rồi, nhưng quan trọng nhất là ảnh hưởng của tỷ giá sau kỳ điều chỉnh 2,1% vào tháng 8 vừa qua. Dự báo mức lạm phát cuối năm có thể tăng lên quanh mức 9,5% đến 10% (nếu giá cả hai tháng tới tiếp tục tăng từ 1,0% đến 1,2%), vượt xa mục tiêu là 7-8%.

¹ Cố vấn cao cấp của AgroMonitor

Quan trọng nhất là tình hình tỷ giá ngày càng biến động theo chiều giảm giá mạnh của Đồng VN trên thị trường tự do. Tỷ giá này đã lên vọt từ 19,500 VND/USD vào đầu tháng 9 vượt qua mức cảnh báo tâm lý là 20,000 trong tuần thứ ba tháng 10 và đạt mức 20,500 cuối tháng, do những lo ngại hiển nhiên của thị trường rằng lượng vốn vay vượt quá bằng USD của khu vực ngân hàng sẽ tạo nên lực cầu mạnh về USD từ giờ đến cuối năm khi những khoản vay đến hạn phải trả, đi với nó là áp lực của cán cân thanh toán do thâm hụt thương mại vẫn ở mức cao và tin đồn về sự sụt giảm mạnh của tổng dự trữ ngoại hối chính thức. Ngoài ra còn có sự chênh lệch giá vàng trong nước và thế giới (giá vàng trong nước đang thường xuyên cao hơn giá vàng thế giới cả trên triệu VND mỗi lượng nên xuất hiện tình trạng gom USD để nhập lậu vàng qua biên giới).

Điều này làm tỷ giá trong thời gian tới có thể tiếp tục biến động mạnh và làm gợi nhớ cùng tình hình vào tháng 5, 2008 về tỷ giá, đã thúc đẩy NHNN và bộ Tài chính cùng họp báo thông báo mức dự trữ ngoại hối chính thức và những biện pháp ổn định quan trọng. Thiếu thông báo này, nạn đầu cơ có thể làm trầm trọng thêm việc giảm giá VND tới một điểm khó kiểm soát (21,000) chỉ trong vài tuần tới.

Khi có dấu hiệu của dòng tiền nóng đổ vào Việt Nam và ngay cả FDI bắt đầu giảm, thị trường tiền tệ sẽ có thể bị ảnh hưởng khó ngăn chặn bởi các lực đầu cơ trong nước và quốc tế, nếu thiếu những chính sách thích hợp và quyết đoán từ phía lãnh đạo tài chính cùng những biện pháp tăng cường thông tin kinh tế.

Chưa kể là tỷ giá của VND một khi đang vượt quá mức tâm lý trên sẽ có thể gây ra một cuộc khủng hoảng làm mất niềm tin của dân chúng nhất là giới đầu tư và có thể tạo ra các thiệt hại tài chính lớn hơn nhiều do “dòng xoáy” lạm phát-tỷ giá gây ra. Tỷ giá VND giảm sẽ làm tăng giá hàng nhập cảng và tạo thêm áp lực lên CPI, rồi từ CPI lên cao trở lại sẽ lại gây áp lực giữ mặt bằng lãi suất cao và làm tiền VND thêm mất giá, ngoài vấn đề nan giải từ nhiều năm là nhập siêu và thất thu trong cán cân vãng lai.

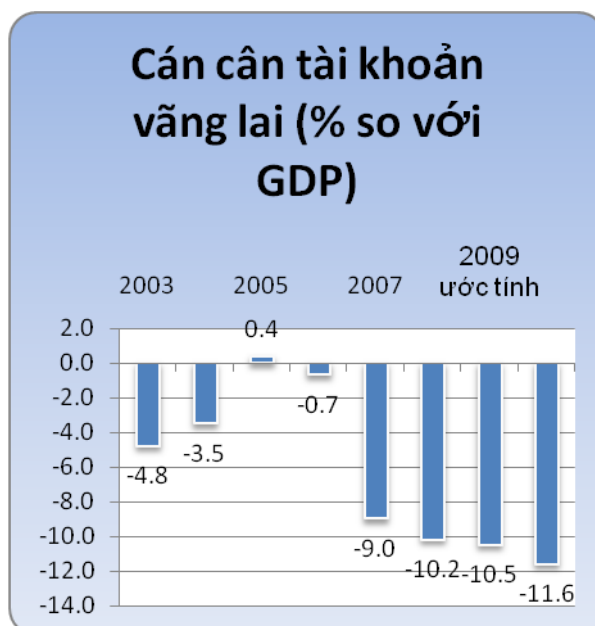
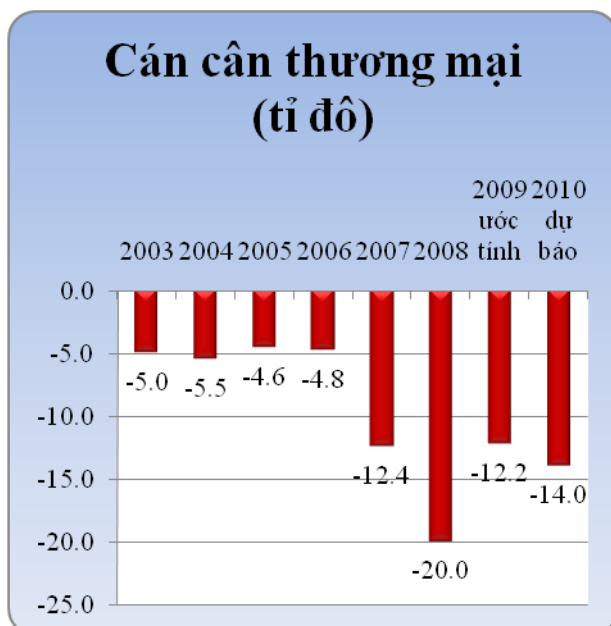
Nhìn xa hơn *trong dài hạn*, vấn đề ổn định vĩ mô-- như sẽ được phân tích ngắn gọn dưới đây-- sẽ cần đến như điều kiện tiên quyết là việc tái cấu trúc nền kinh tế vốn đang rất kém hiệu quả của Việt Nam nhằm đạt được độ tăng trưởng bền vững và có chất lượng hơn trong thập niên tới.

Từ lý luận về dòng xoáy trên, cái nhìn dài hạn hơn về việc ổn định tỷ giá và lãi suất là việc cấp thiết phải kiểm soát mức lạm phát trở lại khoảng 4%-5% mỗi năm. Vấn đề này đòi hỏi nhiều phân tích định tính cũng như định lượng một cách khoa học hơn hiện nay cho việc thiết lập và áp dụng chính sách tái cấu trúc và ổn định kinh tế một cách đồng bộ trên nhiều mặt:

- Thứ nhất là nghiên cứu định lượng để ấn định mức cung tiền thích hợp hàng năm nhằm đạt các mục tiêu tăng trưởng GDP, lạm phát và giảm cán cân thanh toán quốc tế/vãng lai bằng

một phương pháp lập trình tài chính đơn giản (financial programming) được áp dụng trong nhiều nước. Người viết bài đã áp dụng một phép tính hồi qui đơn giản (regression analysis) cho các dữ kiện thống kê hàng năm (1999-2007) và tìm thấy tổng phương tiện thanh toán (M2) đã tăng theo (%) hàng năm bằng 1,7 lần mức tăng (%) của GDP danh nghĩa. Điều này hàm ý rằng mức cung tiền tăng nhanh so với GDP như vậy đã ẩn chứa một mức lạm phát cao hằng năm hơn mong muốn.

- Ngoài “tăng nổi” như trên do chính sách tiền tệ, “tăng ngầm” và là nguyên do tiềm ẩn đích thực của lạm phát ở Việt Nam là chính sách tài khóa với chi tiêu công quá mạnh trong khu vực đầu tư, gây nên tỷ lệ đầu tư/GDP ở mức 42%--cao nhất Á châu sau Trung quốc--và với hiệu quả đầu tư thấp đã gây nên áp lực lạm phát do làm giảm mức tổng cung tiềm năng (potential supply).
- Sau hết là việc cấp thiết phải tái cấu trúc kinh tế để làm giảm nhập siêu nếu muốn giảm áp lực lâu dài lên tỷ giá. Nhập siêu ở Việt Nam từ nhiều năm nay không phụ thuộc đơn giản vào tỷ giá mà là do cấu trúc sản xuất, rõ hơn là do xuất cảng chỉ dựa vào nguyên liệu thô và chính sách gia công phụ thuộc rất nhiều vào nhập cảng. Nếu muốn cải thiện cán cân thương mại, cần nhiều nghiên cứu sâu về mô hình input-output cho Việt Nam và áp dụng vào cơ cấu sản xuất nhằm tới tăng giá trị gia tăng của các yếu tố nội địa trong xuất cảng, và cả tăng yếu tố hiệu suất tổng hợp (total factor productivity) giảm đầu tư vốn trong phương trình sản xuất để làm giảm chỉ số ICOR đang quá cao của nền kinh tế.



TIÊU ĐIỂM : NGHỊ ĐỊNH 109 VÀ HỆ LỤY

Xuất khẩu gạo theo nghị định 109: Lợi hại ra sao?

(TBKTSOnline) - Sau khi Chính phủ ban hành Nghị định 109 về kinh doanh xuất khẩu gạo, Thời báo Kinh tế Sài Gòn Online đã trao đổi với một số chuyên gia trong lĩnh vực lúa gạo xung quanh việc triển khai nghị định này sẽ tác động thế nào tới xuất khẩu gạo của Việt Nam.

Giáo sư tiến sĩ Võ Tòng Xuân: “Cần có thêm công ty cổ phần nông nghiệp”

Tôi hoan nghênh nghị định này. Tôi mong nó ra đời sau cuộc họp tại TPHCM bàn về chuyện này từ mấy tháng nay. Nó sẽ góp phần làm cho gạo Việt Nam xuất khẩu có giá hơn, có uy tín hơn và nông dân có lợi hơn. Vì sao?

Hiện Thái Lan có 14 nhà xuất khẩu gạo; gạo của họ đạt các tiêu chuẩn xuất khẩu nhờ được làm đồng bộ từ sản xuất đến tiêu thụ, trong đó có vùng nguyên liệu, hệ thống xay xát, kho dự trữ. Còn ở Việt Nam có trên 230 nhà xuất khẩu gạo, mà mỗi lần chỉ có vài “nhà” xuất được vài triệu tấn còn lại chỉ đủ sức xuất vài trăm tấn. Mà rất nhiều “nhà xuất khẩu” lẻ tẻ này không có ruộng lúa, không có nhà máy xay xát, kho dự trữ... nhưng lại ăn lời rất lớn, ăn trên đầu trên cổ nông dân vì chỉ biết mua gom gạo của thương lái chỗ này một ít chỗ kia một ít. Mấy ông này chỉ lo “chạy” để kiếm được mỗi xuất khẩu, còn lại nông dân thì “hy sinh” hết.

Tôi cũng nói rõ tại hội nghị ở TPHCM khi nghị định còn là dự thảo, là phải làm sao để nhà xuất khẩu gạo có vùng nguyên liệu gắn với nông dân để nông dân yên tâm sản xuất. Không thể có hàng chục thương lái mua hàng chục loại lúa trộn lại để bán cho ông xuất khẩu nữa, làm cho gạo Việt Nam cứ mang tiếng xấu hoài vì chất lượng không đều.

Phải gắn “4 nhà” với nhau. Nhưng chính nhà nông cũng phải biết gắn với nhau trong một vài xã để có chung vùng nguyên liệu. 1.000 nông dân phải làm chung một quy trình Viet GAP trong sản xuất lúa để cho ra chung một giống lúa cung cấp cho nhà doanh nghiệp.

Doanh nghiệp phải có nhà máy xay xát, nhà máy sấy, nhà máy đóng gói bao bì, có đăng ký thương hiệu... Như vậy thì mới lấy lại uy tín cho hạt gạo Việt Nam. Nếu không thì cứ tiếp tục làm ăn nhỏ lẻ, mạnh ai nấy tranh mua tranh bán lấy lời, chỉ có nông dân là mất đi quyền lợi của mình.

Tới đây, về căn bản trong việc xuất khẩu gạo, chúng ta phải làm công ty cổ phần nông nghiệp. Nông dân là cổ đông của công ty này. Công ty phải có đủ vùng nguyên liệu, nhà máy sấy, nhà máy

xay xát chế biến gạo, kho dự trữ, nhà máy bao bì, làm thương hiệu... và sản xuất theo quy trình Viet GAP. Tiền lời kinh doanh hằng năm chia cho nông dân.

Tiến sĩ Võ Hùng Dũng - Giám đốc Chi nhánh VCCI tại Cần Thơ: “Phải bảo đảm lợi ích nông dân”

Để kinh doanh xuất nhập khẩu lúa gạo, cần có những điều kiện gắn thương nhân với sự phát triển của khu vực nông nghiệp. Nếu tự do hóa mà không ràng buộc đầu tư phát triển thì những thương nhân bên ngoài vào sẽ hưởng lợi lớn. Chính phủ đầu tư, nông dân hưởng lợi không nhiều nhưng thương nhân thuần túy thương mại sẽ thu lợi nhờ đầu cơ hoặc móc nối nhau trong việc phân chia thị trường.

Vẫn có ý kiến không tán thành, cho rằng nghị định 109 hạn chế quyền tiếp cận mua bán của thương nhân, nhất là thương nhân nước ngoài và thương nhân Việt Nam chuyên hoạt động mua bán. Tuy nhiên qua những nghiên cứu của tôi thì tôi thấy những quy định của Nghị định 109 như vậy là cần thiết.

Lúa gạo là ngành hàng không thể tự do hóa một cách thiếu cân nhắc. Sự xáo trộn ở thị trường lúa gạo là cực kỳ nguy hiểm. Thương nhân nước ngoài với năng lực của họ, khả năng về vốn của họ, rất có thể làm bóp méo thị trường này chỉ trong một thời gian ngắn. Khi đó muốn sửa chữa cũng khó mà làm được. Phải có lộ trình để bảo đảm lợi ích của nông dân, nâng đỡ lực lượng trong nước. Các nhà kinh doanh lúa gạo phải là những người gắn bó với lợi ích của nông dân lâu dài. Tôi ủng hộ các chính sách đảm bảo lợi ích của nông dân và thị trường lưu thông bình thường. Sau một thời gian thực hiện, sẽ bộc lộ những khuyết điểm, khi đó có thể xem xét điều chỉnh để phù hợp với những cam kết gia nhập WTO. Nhưng làm gì thì làm cũng phải bảo đảm rằng lợi ích của nông dân không bị phương hại, thị trường không bị bóp méo. Việc mở cửa sớm mà không cân nhắc, nhất là với lúa gạo, là điều không nên.

Tiến sĩ Lê Văn Bảnh - Viện trưởng Viện Lúa ĐBSCL: “Chưa thấy rõ quyền lợi của nông dân”

Trong thời gian qua, việc quản lý xuất khẩu gạo còn nhiều bất cập. Có quá nhiều đầu mối xuất khẩu; cạnh tranh không lành mạnh; để xảy ra hiện tượng tranh mua, tranh bán “ta đánh ta” làm thiệt hại nhiều cho nguồn lợi của đất nước.

Một số doanh nghiệp nhờ “quen biết” mà được phân bổ chỉ tiêu xuất khẩu trong khi thực lực chẳng có gì; không có giải pháp nâng cao chất lượng hạt gạo cũng như nâng chuỗi giá trị của nó, để xảy ra hiện tượng cai đầu dài, bán chỉ tiêu... làm bất bình nhiều người, do vậy, cần có giải pháp

ngăn chặn. Nội dung chính của nghị định 109 là doanh nghiệp kinh doanh xuất khẩu gạo phải đáp ứng 3 điều kiện, và thêm điều kiện phải trữ ít nhất 10% lượng gạo xuất khẩu 6 tháng trước đó.

Nhìn qua thì thấy phần nào đó có thể hạn chế được những bất cập như tôi vừa nói, làm cho các doanh nghiệp nhỏ muốn kinh doanh phải liên kết lại với nhau, giúp họ chuyên nghiệp hơn trong trong kinh doanh xuất khẩu gạo. Nhưng xem kỹ thì thấy nghị định này tuy đã được bàn thảo cả năm nhưng có vẻ là “chữa cháy”, không có tính vĩ mô cao và không căn cơ lắm, chỉ giúp loại bỏ bớt một phần đầu mối nhỏ lẻ, còn các doanh nghiệp lớn thì mừng. Nó đáp ứng điều kiện cần nhưng chưa đủ.

Vấn đề sản xuất, tiêu dùng lúa gạo hiện hay là cải cách phương thức sản xuất, làm sao có liên kết “4 nhà” mà chủ lực là người sản xuất và doanh nghiệp. Muốn vậy, nông dân phải có vùng nguyên liệu, muốn có sản phẩm chất lượng, đảm bảo yêu cầu số lượng doanh nghiệp cần phải đặt hàng, ký hợp đồng bao tiêu sản phẩm, đầu tư vào vùng nguyên liệu, tạo thương hiệu với thị trường. Nông dân cũng phải liên kết hợp tác trong sản xuất để làm đổi tác quan trọng đối với doanh nhân. Từ đó mới nhờ kho tàng tốt, xử lý khâu sau thu hoạch tốt, làm cơ sở nâng cao chuỗi giá trị của hạt gạo Việt Nam.

Tôi chưa rõ ý của nghị định này về việc “Thương nhân phải dự trữ tối thiểu 10% lượng gạo đã xuất khẩu 6 tháng trước đó”. Bởi vì vấn đề an ninh lương thực, tồn trữ lúa gạo thì đã có Cục Dự trữ quốc gia lo. Có lẽ điều này có ý “ép vốn” doanh nghiệp nhỏ chăng? Thực tiễn lâu nay, thương lái, tức là bạn hàng, đã giúp ích rất đắc lực và là cầu nối không thể thiếu của nông dân và doanh nghiệp.

Họ thuận mua, vừa bán, tuy đôi khi cũng có hơi ép giá, nhưng nay thì nghị định 109 quy định: “Khi mua thóc, gạo hàng hóa xuất khẩu, thương nhân có trách nhiệm thông báo với UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương các điểm mua thóc, gạo và công bố các điểm mua này để người dân biết; niêm yết giá mua theo chất lượng, chủng loại thóc, gạo hàng hóa để tạo điều kiện thuận lợi cho người nông dân trực tiếp giao dịch” thì không biết có dễ thực hiện hay không?

Vụ Hè thu vừa rồi giá cả thay đổi hàng ngày thì việc thông báo giá chết có còn giá trị gì? Nên chăng Chính phủ cần có chiến lược vẹn toàn hơn, vì nghị định này cho thấy, hình như vai trò và quyền lợi nông dân chưa có?

Nghị định về xuất khẩu gạo: ai được, ai mất ?

(TBKTSG) Nghị định đầu tiên quy định điều kiện kinh doanh xuất khẩu mặt hàng nông sản chiến lược nhất là lúa gạo đã ra đời sau nhiều lần thảo luận, sửa đổi. Dự báo, Nghị định 109 sẽ “sàng lọc” mạnh mẽ các doanh nghiệp xuất khẩu gạo.

Sàng lọc

Theo một doanh nghiệp xuất khẩu gạo ở TPHCM, các điều kiện về kinh doanh xuất khẩu gạo trong nghị định 109 chắc chắn sẽ gây khó khăn không nhỏ cho nhiều doanh nghiệp trong ngành. Đối chiếu với các quy định trong nghị định thì hiện có rất ít công ty có cơ sở xay xát gạo công suất tối thiểu 10 tấn lúa/giờ, có khả năng duy trì thường xuyên mức dự trữ lưu thông 10%.

“Một doanh nghiệp xuất khẩu 5.000 tấn gạo thì số gạo dự trữ bắt buộc là 500 tấn, tương đương 9 tỉ đồng. Phần lớn doanh nghiệp phải đi vay mới có vốn mua và xuất khẩu gạo, mà hiện rất khó vay được vốn, lãi suất lại cao, lấy đâu ra tiền để dự trữ gạo”, doanh nghiệp này trần trở.

Trong khi đó, những cơ sở trước nay chuyên xay xát lúa, nhờ có sẵn kho dự trữ và có công suất xay xát đạt điều kiện tối thiểu, thì Nghị định 109 được coi là cơ hội để mở rộng hoạt động kinh doanh. Ông Phạm Văn Thọ, Giám đốc nhà máy xay xát lúa gạo Trường Thọ tại huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang cho rằng Nghị định 109 là cơ hội để doanh nghiệp của ông mở rộng hoạt động xuất khẩu. Trường Thọ có cơ sở vật chất “đạt chuẩn” với 4 cơ sở xay xát lúa công suất 150.000 tấn lúa/năm (tương đương 110.000 tấn gạo) và một kho dự trữ gạo 7.000 m2 đang đầu tư xây dựng.

Theo ông Thọ, sắp tới nhiều “trader” (thương nhân) chuyên mua đi bán lại, vì không thể tiếp tục xuất khẩu gạo, sẽ tìm đến các doanh nghiệp có nhà máy xay xát và có kho tàng. Trong khi đó, chính doanh nghiệp như ông cũng cần đến họ vì họ có mạng lưới giao dịch rộng và khi cần có thể huy động vốn khá dễ dàng.

Trong điều khoản thi hành của Nghị định, Chính phủ cũng dành thêm 9 tháng kể từ khi Nghị định 109 có hiệu lực vào ngày 1-1-2011 để các doanh nghiệp chưa được Bộ Công thương cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện được tiếp tục xuất khẩu hoặc xoay xở để đạt chứng nhận bằng cách xây hoặc đi thuê kho chứa, cơ sở xay xát. Sau thời gian “ân hận” này, doanh nghiệp nào vẫn không đủ điều kiện sẽ phải ngừng hoạt động xuất khẩu.

Một nghị định, nhiều mục tiêu

Mặc dù Nghị định chỉ tập trung vào doanh nghiệp kinh doanh, xuất khẩu gạo mà không nhắc đến vai trò của người nông dân nhưng không thể phủ nhận lợi ích của nhóm đối tượng này là điều Chính phủ muốn hướng đến.

Nghị định 109/2010/NĐ-CP sẽ tái cấu trúc ngành kinh doanh xuất khẩu lúa gạo?

Phạm Quang Diệu²

Ngày 8/11/2010, Chính phủ ban hành Nghị định số 109/2010/NĐ-CP về kinh doanh xuất khẩu gạo. Đây là một trong những chính sách rất quan trọng có tầm ảnh hưởng mạnh mẽ đến kinh doanh xuất khẩu gạo. Theo đó, thương nhân Việt Nam thuộc mọi thành phần kinh tế, nếu đáp ứng đủ các điều kiện và được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh xuất khẩu gạo³.

Tuy nhiên, thương nhân xuất khẩu gạo phải đáp ứng các điều kiện về năng lực kho tàng, năng lực xay xát. Nghị định cũng nêu rõ, kho chứa, cơ sở xay xát phải thuộc sở hữu của thương nhân và phải nằm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có thóc, gạo hàng hóa xuất khẩu hoặc có cảng biển quốc tế có hoạt động xuất khẩu thóc gạo tại thời điểm thương nhân đề nghị cấp giấy chứng nhận kinh doanh xuất khẩu gạo.

AgroMonitor cho rằng, về mặt lý thuyết chính sách trên với mong muốn đem đến một thị trường lúa gạo hiệu quả hơn, người nông dân hưởng lợi nhiều hơn từ kinh doanh lúa gạo, hoạt động xuất khẩu quy chuẩn hơn, tuy nhiên có một số vấn đề đặt ra khi áp dụng trên thực tế:

- Điều 4 chương 2 về điều kiện kinh doanh xuất khẩu gạo có yêu cầu doanh nghiệp phải đáp ứng quy định kho bãi với sức chứa 5000 tấn và công suất xay xát >10 tấn thóc/1h. Hiện nay có khoảng 250 doanh nghiệp xuất khẩu gạo thì có khoảng 80 doanh nghiệp xuất khẩu 5000 tấn/năm. Với các yêu cầu cao như trên sẽ dẫn đến xu hướng sàng lọc chỉ còn các DN lớn ngày càng có quyền lực, loại bỏ các doanh nghiệp nhỏ không đáp ứng đủ điều kiện đề ra về năng lực kho bãi và xay xát. Nghị định này cũng sẽ là một rào cản đối với các doanh nghiệp mới muốn tham gia kinh doanh trong ngành hàng lúa gạo.
- Trong mục 2, điều 14 chương 3 về việc Bộ Tài chính chủ trì phối hợp với Bộ Nông nghiệp hướng dẫn phương pháp điều tra xác định chi phí để UBND các tỉnh làm căn cứ xác định và công bố giá thành sản xuất lúa. Đây sẽ là một thách thức vì:

² Kinh tế trưởng của AgroMonitor

³ Để tham khảo toàn văn của nghị định có thể truy cập trang web của Hiệp hội Lương thực Việt Nam.

-
- Việc xác định giá thành sản xuất lúa hàng hóa là một công việc phức tạp về mặt thống kê và tốn phí thời gian để đảm bảo tính chính xác khoa học và mang tính đại diện cho sản xuất lúa phổ biến của vùng. Nếu việc xác định giá thành thiếu chính xác thì sẽ khó đảm bảo giá lúa hướng dẫn hợp lý cho doanh nghiệp kinh doanh thu mua.
 - Ngoài ra, sự biến động nhanh của thị trường các yếu tố đầu vào như phân bón, thuốc trừ sâu, hay công lao động... sẽ làm cho việc xác định chi phí tại một thời điểm cũng sẽ là một hạn chế khi phản ánh chi phí biến động nhanh và liên tục.
 - Theo quy định của điều 28, chương VI, 9 tháng kể từ khi nghị định này có hiệu lực, tức là 1/10/2011 thương nhân phải có giấy chứng nhận cấp bởi cơ quan có thẩm quyền mới được kinh doanh xuất khẩu gạo. Việc xác định các thông số về kho dự trữ, năng lực xay xát... sẽ là trở ngại trong một khoảng thời gian ngắn như vậy cho cả hai phía doanh nghiệp và các cơ quan chức năng có thể triển khai việc cấp giấy chứng nhận cho các doanh nghiệp đang kinh doanh và doanh nghiệp mới muốn tham gia kinh doanh xuất khẩu gạo.
 - Tính khả thi của chính sách khi triển khai thực tế có thể gặp khó khăn. Do có nhiều đơn vị liên Bộ ngành, TW và địa phương cùng triển khai giám sát hoạt động của các doanh nghiệp kinh doanh lúa gạo về kho bãi, năng lực xay xát, yêu cầu về niêm yết giá mua, hợp đồng với nông dân... nên mức độ nghiêm ngặt sẽ khó được đảm bảo.
 - Để có được giấy phép hoạt động kinh doanh cũng như khi triển khai thực tiễn theo nghị định có thể sẽ xuất hiện những phí tổn cho doanh nghiệp-chi phí giao dịch (transaction cost), và nếu thực hiện nghiêm túc nghị định doanh nghiệp sẽ phải bỏ thêm chi phí về đầu tư kho bãi, xay xát, thuê kho, hàng dũ trữ trong kho (điều 12, chương 3 quy định thương nhân luôn duy trì 10% lượng gạo xuất khẩu trong 6 tháng gần đây)... chi phí hoạt động của doanh nghiệp sẽ tăng lên.
 - Nghị định cũng yêu cầu các cơ quan quản lý Nhà nước tham gia mạnh mẽ trong việc giám sát sự tuân thủ quy định của các doanh nghiệp xuất khẩu gạo để đảm bảo cho thị trường lúa gạo nội địa ổn định, và hoạt động xuất khẩu gạo đảm bảo hiệu quả. Tuy nhiên điều này cũng đặt ra thách thức với các cơ quan Quản lý Nhà nước về nhân lực và nguồn lực để thực hiện công tác giám sát này.

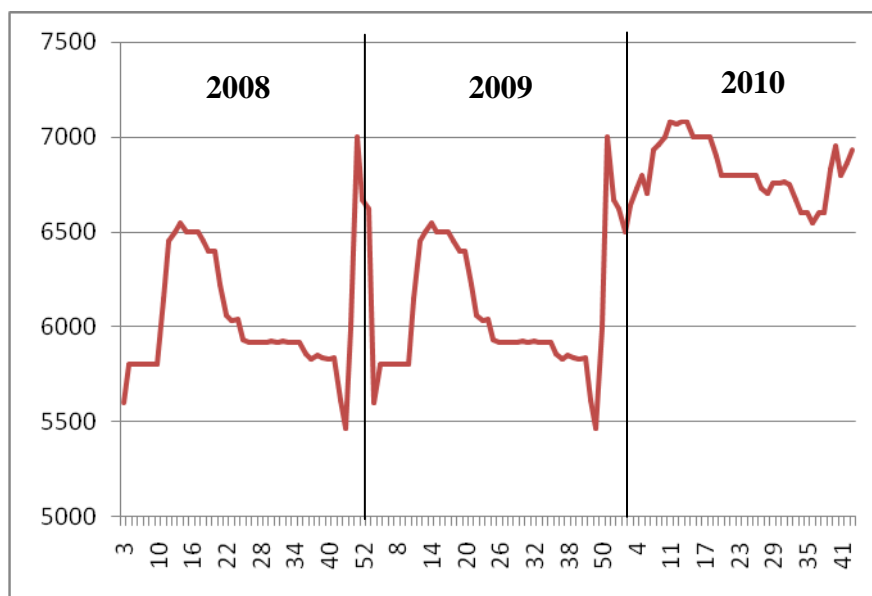
Thị trường phân bón sẽ tiếp tục nóng

Nguyễn Trang Nhung⁴

Đào Thị Dung

Giá phân bón trên thị trường Việt Nam trong vòng 2 tháng trở lại đây tăng mạnh gây ảnh hưởng lớn đến chi phí sản xuất nông nghiệp, nhất là sản xuất lúa. Xu hướng của thị trường nội địa bị thúc đẩy do chiều hướng đi lên của thị trường thế giới. Sau khi liên tục tăng giá trong tháng 8 và tháng 9 thì tuần cuối tháng 9 và đầu tháng 10 bắt đầu giảm giá trên 2 chủng loại Ure và DAP còn Ammoni và Uan vẫn tiếp tục xu hướng tăng chưa có dấu hiệu dừng lại, mức tăng trung bình từ 40-100 USD/tấn. Nguyên nhân chính của xu hướng giá phân bón thế giới tăng là do việc tăng giá phân bón từ thị trường Trung Quốc do tăng thuế xuất khẩu để đảm bảo lượng phân bón trong nước cho vụ mùa mới tại Trung Quốc. Bên cạnh đó, việc nhiều nhà máy sản xuất phân bón nghỉ để bảo dưỡng cũng như chính sách tiết kiệm năng lượng của Trung Quốc cũng khiến nguồn cung phân bón giảm.

Giá phân Urea theo tuần giai đoạn 2008-2010 ở An Giang (đồng/kg)



Nguồn: Dữ liệu AgroMonitor, www.agromonitor.vn

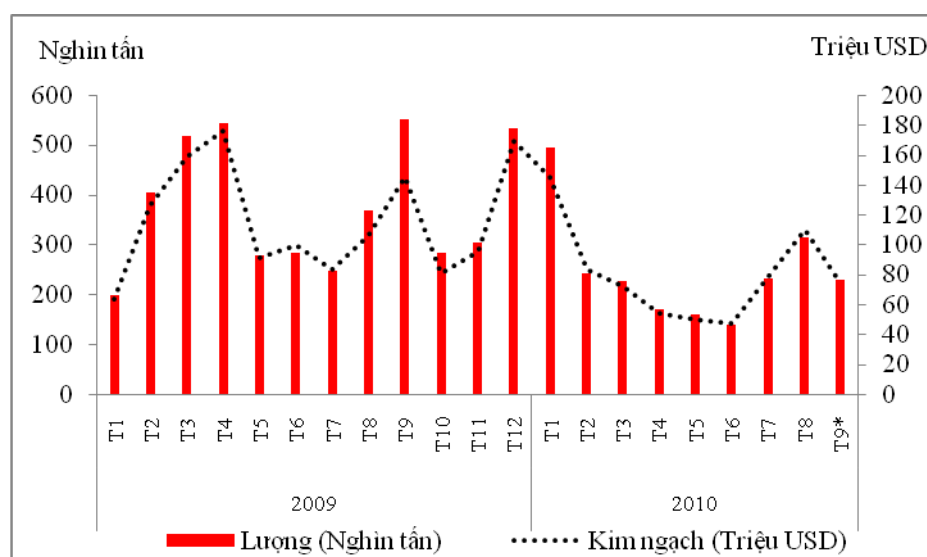
⁴ Nguyễn Trang Nhung và Đào Thị Dung chuyên gia ngành hàng của AgroMonitor

Ở thị trường trong nước, giá Ure trung bình tháng 9 và tính đến trung tuần tháng 10 đều tăng ở hầu hết các địa phương. Mức tăng giá mạnh nhất tại thị trường Lâm Đồng đạt 7.425 đ/kg, tại Cần Thơ đạt 6.867 đ/kg. An Giang đạt 6.732 đ/kg tăng khoảng 26% so với mức đáy những tuần cuối năm 2009 và 2008. Nhìn vào xu hướng giá Urea trong 3 năm qua cũng thấy xu hướng giá đi xuống vào cuối năm, tuy nhiên riêng năm 2010 giá vẫn tiếp tục ở mức cao và đang còn chiều hướng tiếp tục đi lên.

Nguồn cung nhập khẩu giảm mạnh

Nhập khẩu phân bón của Việt Nam từ đầu năm 2010 đến nay liên tục biến động, giảm trong 6 tháng đầu năm, tăng mạnh lượng và trị giá nhập khẩu trong tháng 7 và tháng 8 và quay lại suy giảm tương đối mạnh trong tháng 9/2010. Theo số liệu của Tổng cục Hải quan, tháng 9/2010, tổng lượng phân bón Việt Nam nhập khẩu chỉ ở mức 232 nghìn tấn, kim ngạch 75 triệu USD, giảm 27% về lượng và 33% về kim ngạch so với tháng 8/2010. Nếu so với tháng 9/2009 thì giảm 58,4% về lượng và giảm 49,2% về giá trị.

Lượng và giá trị nhập khẩu phân bón Việt Nam, tháng 1/2009 – tháng 9/2010



Nguồn: AgroMonitor, tính theo số liệu Tổng cục Hải quan

Sản xuất trong nước ổn định trong khi tồn kho mỏng

Tháng 9/2010, sản xuất phân bón của Việt Nam tiếp tục xu hướng giảm nhẹ. Theo số liệu ước tính của Tổng cục thống kê, sản lượng phân bón hóa học sản xuất trong nước tháng 9/2010 đạt 196,1 nghìn tấn, giảm 9,5 nghìn tấn (tương đương 4,6%) so với tháng trước, nhưng lại tăng 26,5% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 9 tháng đầu năm, tổng sản lượng phân bón hóa học sản xuất trong

nước đạt 1,96 triệu tấn, giảm 9,1% so với cùng kỳ năm 2009 do lượng phân bón sản xuất trong những tháng đầu năm ở mức thấp.

Trong khi đó, tình hình tồn kho đối với ngành sản xuất phân bón và hợp chất nitơ không phải là lớn. Mức độ tồn kho tháng 9 so với tháng 8/2010 không có sự thay đổi lớn, chỉ tăng 7,6%. Nếu so với cùng kỳ 2009 thì tình hình tồn kho chỉ đạt mức tăng 5,8%.

Theo báo cáo triển vọng ngành phân bón của AgroMonitor công bố trong tháng 10, thị trường phân bón hiện nay cho thấy xu thế có thể thiếu hụt nguồn cung trong khi cầu có xu hướng tăng lên.

Về mặt cung, trong khi, tốc độ tăng trưởng sản xuất phân bón trong nước gần như không tăng so với cùng kỳ năm 2009, nguồn cung phân bón nhập khẩu ở mức thấp. Xu hướng nguồn cung sẽ khó có khả năng tăng trong bối cảnh các chi phí đầu vào sản xuất tăng, hạ tầng về điện thiếu ổn định, lãi suất ngân hàng ở mức cao, ngoài ra tỷ giá đồng Việt Nam giảm so với USD và tiếp cận ngoại tệ gặp khó sẽ làm tăng chi phí nhập khẩu phân bón. Các sức ép về chi phí đẩy này sẽ làm cho các doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh phân bón ở trạng thái rất cân nhắc để tăng nguồn cung từ nhập khẩu hoặc tăng sản xuất, hoặc sẽ phải đẩy giá lên cao.

Trong khi về phía cầu, tốc độ tăng trưởng nhu cầu sử dụng phân bón dự kiến sẽ tăng mạnh theo tính chu kỳ vào những tháng cuối năm 2010 và đầu năm 2011, cộng với chỉ số tồn kho năm 2010 không tăng mạnh so với cùng kỳ năm 2009 thì có thể thấy những tháng cuối năm 2010 và đầu năm 2010 nguồn cung phân bón đang trong trạng thái hạn hẹp. Có nhiều khả năng giá phân bón tại thị trường trong nước sẽ trong xu hướng tiếp tục tăng lên chứ không dừng lại như ở mức hiện nay.

Thế lưỡng nan của ngành thức ăn chăn nuôi

Vũ Thùy Dung⁵

Việt Nam nhập khẩu nguyên liệu thức ăn chăn nuôi hàng năm lên đến 1,7 tỷ USD, chủ yếu là khô đậu tương, bột cá và mới đây là DDGS. Nếu tính cả lúa mì và ngô thì con số này còn lên đến 2,4 tỷ USD. Đây là một ngành kinh doanh rất phát đạt trong nhiều năm của một số tập đoàn lớn nước ngoài cũng như rất nhiều doanh nghiệp nội địa mới gia nhập ngành. Tuy nhiên, có vẻ như năm 2010 sẽ là một năm đầy thách thức đối với các doanh nghiệp kinh doanh thức ăn chăn nuôi (TACN). Kể từ giữa năm 2010, sự biến động khó lường của thị trường thế giới cùng với sự trì trệ của ngành chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản, cùng với các chi phí cao gánh chịu từ biến động kinh tế vĩ mô đang đẩy các ngành kinh doanh TACN vào một tình thế nan giải.

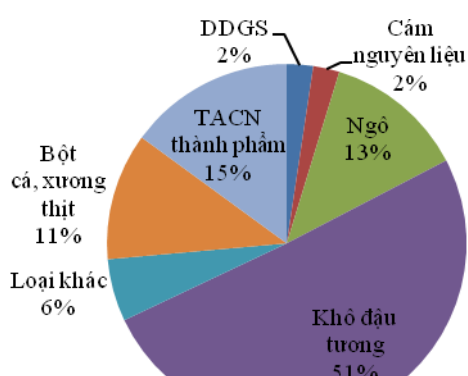
⁵ Chuyên gia phân tích ngành của AgroMonitor

Giá nguyên liệu dâng cao

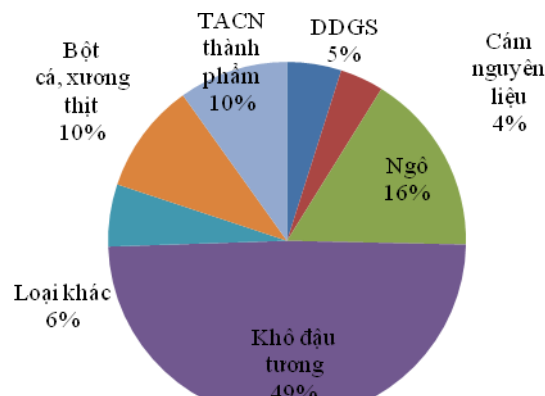
Hiện nay Việt Nam nhập khẩu nguyên liệu TACN gồm có khô đậu tương chiếm 49%, ngô 16%, bột cá 10% và DDGS một loại nguyên liệu mới ưa thích 5%. Việc thay thế các loại nguyên liệu này cho nhau trong trường hợp giá một mặt hàng nào đó tăng mạnh có thể là một giải pháp hiệu quả. Tuy nhiên, cách này không phải là một lựa chọn trong giai đoạn hiện nay. Kể từ giữa năm 2010, giá của tất cả các loại nguyên liệu cho chế biến thức ăn chăn nuôi Việt Nam nhập khẩu chính này đã dâng lên ở mức rất cao.

Nhập khẩu các loại TACN và nguyên liệu của Việt Nam, 8 tháng đầu năm 2009-2010 (%)

8 tháng đầu năm 2009



8 tháng đầu năm 2010

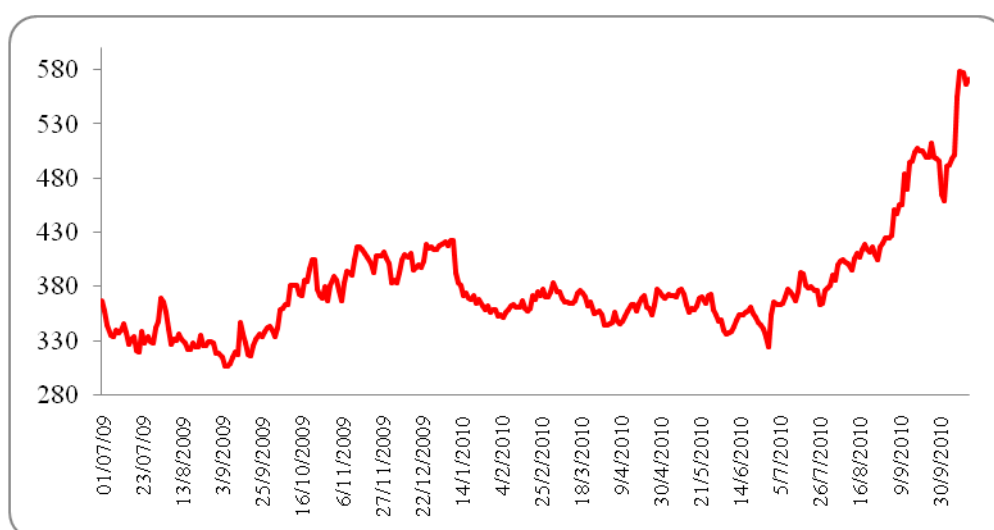


Nguồn: Tính toán của AgroMonitor từ số liệu của Tổng cục Hải quan Việt Nam

Tháng 9/2010, trước những thông tin không mấy khả quan về sản lượng ngô tại Hoa Kỳ và Phillipines cùng với đó là những quan ngại của USDA về nhu cầu ngày càng tăng đối với nguyên liệu này cho sản xuất ethanol đã khiến cho giá ngô kỳ hạn trên CBOT chứng kiến tốc độ tăng kỷ lục từ trước tới nay. Giá ngô trung bình kỳ hạn trên CBOT tháng 9 gần chạm ngưỡng 500 Uscent/bushel, đạt 484,82 Uscent/bushel, tăng 18,68% so với tháng trước và cao hơn tới 49,22% so với cùng kỳ năm trước, đây cũng là tốc độ tăng trưởng về giá cao nhất trong số các loại ngũ cốc giao dịch trên CBOT.

Trước tình trạng các nước tăng cường nhập khẩu nguyên liệu DDGS, nguyên liệu thay thế cho bột cá đang trong tình trạng “khan” hàng cùng với diễn biến tăng nóng giá ngô trên CBOT đã như chất xúc tác đẩy giá DDGS xuất khẩu của Hoa Kỳ tăng theo. Tính đến trung tuần tháng 10, giá DDGS xuất FOB của Hoa Kỳ tại cảng New Orleans kỳ hạn tháng 10 và tháng 11 lần lượt ở mức 205 USD/tấn và 210 USD/tấn, tăng hơn 12% so với mức giá giao dịch hồi đầu tháng 9.

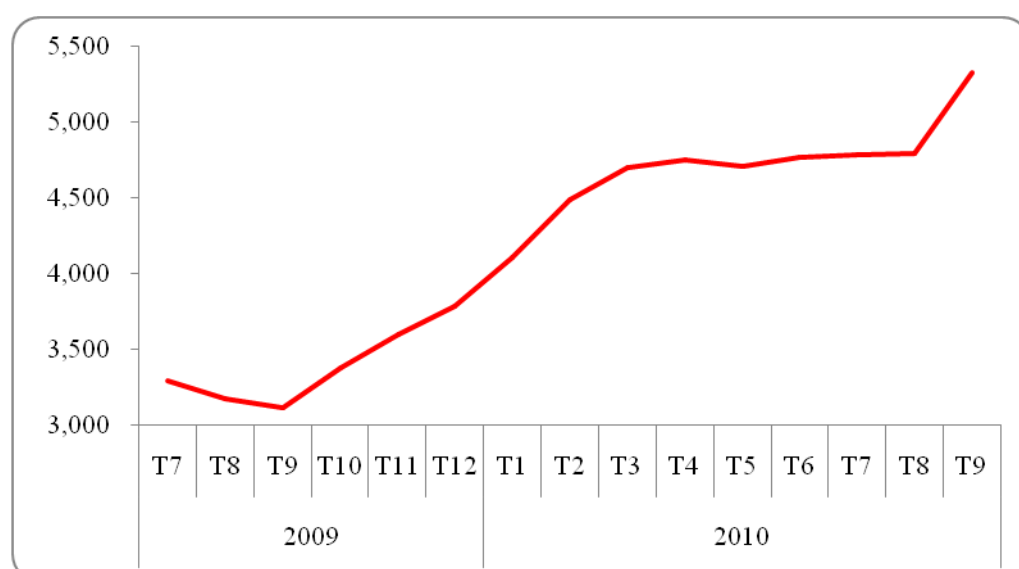
Diễn biến giá ngô CBOT theo ngày, 2009-2010 (Uscent/bushel)



Nguồn: CME Group

Nếu giá nguyên liệu thế giới tăng mạnh thì một giải pháp khác là sử dụng các nguồn nguyên liệu nội địa. Tuy nhiên, do thiếu quy hoạch bài bản và chiến lược đầu tư vĩ mô nên nguồn nguyên liệu nội địa chỉ ở quy mô nhỏ, manh mún. Kết quả là giá các loại nguyên liệu thay thế lẫn nhau trên thị trường thế giới tăng mạnh làm cho giá các loại nguyên liệu trong nước cũng ào ạt tăng theo. Tháng 9/2010, giá sản nội địa chứng kiến tốc độ tăng phi mã khi tăng tới 11,04% so với tháng trước và 70,83% so với cùng kỳ năm trước để đạt mức giá thu mua 5.330 VNĐ/kg.

Giá thu mua sản trong nước của doanh nghiệp theo tháng, 2009-2010 (đồng/kg)



Nguồn: Cơ sở dữ liệu giá Agromonitor

Cung dồi dào nhưng cầu trì trệ

Theo số liệu Tổng cục Hải quan, nhập khẩu trong tháng 9 ước đạt 172 triệu USD (chưa bao gồm ngô và lúa mỳ), tổng nhập khẩu TACN và nguyên liệu 9 tháng đầu năm (chưa bao gồm ngô và lúa mỳ) đạt 1,66 tỉ USD, tăng 19% so với cùng kỳ năm 2009. Các doanh nghiệp chế biến TACN đã thấy trước xu thế tăng giá nguyên liệu nên đã tăng mạnh nhập khẩu giữa năm. Hướng đi này đã cho thấy một sự nhanh nhạy của doanh nghiệp trong hành động đi trước thị trường để giảm thiểu rủi ro của chi phí đẩy. Họ đã tránh được phần nào cơn bão tăng giá, nhưng lại phải đối mặt với sức cầu trì trệ.

Số liệu Tổng cục Thống kê (TCTK) cho thấy, kể từ những tháng giữa năm 2010 có xu hướng doãng ra giữa chỉ số tăng trưởng của sản xuất và nhu cầu. Bắt đầu kể từ tháng 5/2010 trong khi tốc độ tăng trưởng sản xuất bắt đầu có xu hướng giảm, nhưng tốc độ giảm của cầu còn mạnh hơn, đặc biệt đối với tiêu thụ thức ăn cho thủy sản.

Chỉ số tiêu thụ TACN của TCTK cho thủy sản có xu hướng giảm trong 2 tháng gần đây là do hiện nay, mùa nuôi tôm công nghiệp chính vụ đã kết thúc, nông dân đã ngừng thả nuôi diện tích tôm mới, mặt khác diện tích nuôi thả cá tra có xu hướng giảm trước áp lực chi phí tăng trong khi đầu ra không được cải thiện. Trong khi đó, chăn nuôi lợn gặp rất nhiều khó khăn do dịch bệnh tai xanh bùng phát. Theo TCTK, đến tháng 9 đàn lợn cả nước có 27,1 triệu con, giảm 3% so với cùng kỳ năm trước.

Sức cung khá dồi dào nhưng cầu trì trệ đã làm cho tiêu thụ TACN của các doanh nghiệp gặp khó khăn, đẩy tồn kho trở lên cao. Theo TCTK, mức độ tồn kho tháng 9 so với tháng 8 không có sự thay đổi lớn, tuy nhiên nếu so với cùng kỳ 2009 tình hình tồn kho ở mức tăng 60%, trong đó tồn kho cho gia súc gia cầm ở mức tăng 73% còn đối với thức ăn cho thủy sản ở mức tăng 40%.

Không nhiều cơ hội trong những tháng cuối năm

Theo báo cáo Triển vọng ngành thức ăn chăn nuôi mới công bố của AgroMonitor, yếu tố tác động tích cực đến thị trường thức ăn chăn nuôi cuối năm đó là sản xuất chăn nuôi mở rộng để phục vụ nhu cầu tiêu dùng thịt dịp tết. Đây có thể là lực cầu kéo hiếm hoi đối với tiêu thụ thức ăn chăn nuôi thành phẩm, tuy nhiên dư địa không lớn do cả yếu tố chi phí cao đối với ngành chăn nuôi cũng như sức mua của người dân không tăng mạnh trong bối cảnh kinh tế trì trệ, và áp lực cạnh tranh từ thịt nhập khẩu đối với chăn nuôi nội địa luôn rình rập.

Trong khi đó các yếu tố tác động tiêu cực đến thị trường thức ăn chăn nuôi ngày càng hiện hữu. Các áp lực về giá thế giới đứng ở mức cao cùng với tỷ giá đồng Việt Nam so với USD đang bị mất

giá mạnh và diễn biến thất thường sẽ làm cho các nhà nhập khẩu lo ngại nên lượng nhập khẩu khó có thể duy trì như mức hiện nay, hoặc có nhiều khả năng sẽ suy giảm mạnh. Ngoài ra, nhu cầu nhập khẩu sẽ không nhiều khi lượng hàng tồn kho đang duy trì ở mức khá cao.

Như vậy, ngành công nghiệp chế biến thức ăn chăn nuôi đang phải đối mặt với những áp lực rất lớn từ nguồn nguyên liệu thế giới suy giảm, giá dăng cao, và cầu tiêu thụ thức ăn chăn nuôi thành phẩm trong nước trì trệ. Như vậy, nhiều khả năng sản lượng sản xuất thức ăn chăn nuôi thành phẩm sẽ khó tăng. Rất có nhiều khả năng giá thức ăn chăn nuôi thành phẩm sẽ tiếp tục tăng lên do áp lực về chi phí đẩy, tuy nhiên đối mặt với nhu cầu tiêu thụ không được cải thiện thì khả năng tiêu thụ sẽ gặp nhiều trở ngại. Trong trường hợp giá không tăng thì sẽ có nhiều doanh nghiệp chế biến vừa và nhỏ sẽ gặp khó khăn và khó trụ vững trong ngành lâu dài.

PHÁT NGÔN ÁN TƯỢNG

Thủ tướng CamPuChia Hun Sen

trước đây, chúng tôi đã ký thỏa thuận xuất khẩu gạo với Trung Quốc và hy vọng sẽ ký kết tiếp thỏa thuận xuất khẩu sản cũng như đề xuất về các hợp đồng xuất khẩu bắp

Ngày 13/12, tại thủ đô Bắc Kinh, Thủ tướng Trung Quốc Ôn Gia Bảo đã tiếp Thủ tướng Campuchia Hun Sen đang thăm nước này 5 ngày.

Thủ tướng Cam Pu Chia phát biểu "trước đây, chúng tôi đã ký thỏa thuận xuất khẩu gạo với Trung Quốc và hy vọng sẽ ký kết tiếp thỏa thuận xuất khẩu sản cũng như đề xuất về các hợp đồng xuất khẩu bắp", "Nông dân Campuchia sẽ tận dụng hoạt động xuất khẩu gạo và sản vì thị trường Trung Quốc là rất rộng lớn", và rằng Campuchia muốn hợp tác nhiều hơn nữa với Trung Quốc trong lĩnh vực nông nghiệp"

Báo điện tử Doanh nhân Việt Nam toàn cầu

Ông Trương Thanh Phong, chủ tịch VFA

Chúng ta không vội ký hợp đồng, cần lựa chọn thời điểm để bán giá tốt nhất. Tinh thần là gạo 5% tấm không được bán dưới giá 500 USD/tấn

Phát biểu của ông Trương Thanh Phong trong cuộc họp của VFA tại Long An ngày 6/12/2010. Ông Phong khuyến cáo các doanh nghiệp cần phải bám thật sát tình hình sản xuất trong nước cũng như những biến động bất thường trên thị trường gạo thế giới để có được quyết định hợp lý, bán được gạo với giá tốt, qua đó giúp cho cả doanh nghiệp lẫn nông dân đều được hưởng lợi.

Theo SGTT

Ông Huỳnh Minh Huệ, Tổng Thư ký VFA


“Tuy các nước chưa mở thầu, nhưng tôi khẳng định hợp đồng xuất khẩu cho toàn bộ sản lượng gạo hàng hoá vụ đông xuân 2011 – khoảng 3 triệu tấn – gần như cơ bản đã có”

ông Huỳnh Minh Huệ cho rằng, vào đầu năm tới, trong lúc nhu cầu mua rất lớn thì hầu như chỉ còn Việt Nam là nước duy nhất có khả năng đủ nguồn cung ứng cho thị trường. Philippines, Indonesia hay Malaysia là những thị trường tập trung truyền thống của Việt Nam. Chúng loại gạo họ mua thường là 25% tấm nên chúng ta có nhiều cơ hội bán gạo cho họ. Ông phát biểu:

– SGTT

ẤN PHẨM DO AGROMONITOR PHÁT HÀNH

TT	Tên ấn phẩm	Loại	Đơn giá	Ngày phát hành	Số trang
I Báo cáo thường niên					
1	Báo cáo thường niên ngành Nông nghiệp Việt Nam 2009 và Triển vọng 2010	Tiếng Việt	1.500.000VND	03/03/2010	92
		Tiếng Anh	150USD	23/04/2010	
2	Báo cáo thường niên ngành Lúa gạo Việt Nam 2009 và Triển vọng 2010	Tiếng Việt	1.500.000VND	21/01/2010	99
		Tiếng Anh	150USD	22/02/2010	
3	Báo cáo thường niên ngành Thủy sản Việt Nam 2009 và Triển vọng 2010	Tiếng Việt	1.500.000VND	22/01/2010	80
		Tiếng Anh	150USD	10/02/2010	
4	Báo cáo thường niên ngành Sữa Việt Nam 2009 và Triển vọng 2010	Tiếng Việt	1.500.000VND	29/01/2010	64
		Tiếng Anh	150USD	05/04/2010	
5	Báo cáo thường niên ngành Hồ Tiêu Việt Nam 2009 và Triển vọng 2010	Tiếng Việt	1.500.000VND	28/01/2010	66
		Tiếng Anh	150USD		
6	Báo cáo thường niên ngành & doanh nghiệp ngành Cao su Việt Nam 2009-Triển vọng 2010	Tiếng Việt	1.500.000VND	05/04/2010	86
		Tiếng Anh	150USD		
7	Báo cáo thường niên ngành Phân bón Việt Nam 2009 và quý 1/2010 - Triển vọng 2010	Tiếng Việt	1.500.000VND	07/04/2010	66
		Tiếng Anh	150USD	29/04/2010	
8	Báo cáo doanh nghiệp ngành Lúa gạo Việt Nam 2009 & quý 1/2010-Triển vọng 2010	Tiếng Việt	1.500.000VND	20/04/2010	60
		Tiếng Anh	150USD		
9	Báo cáo thường niên ngành Sắn Việt Nam 2009 và quý 1 năm 2010 - Triển vọng 2010	Tiếng Việt	1.500.000VND	10/05/2010	50
		Tiếng Anh	150USD		
10	Báo cáo thường niên ngành Cà phê Việt Nam 2009 và quý 1/2010 - Triển vọng 2010	Tiếng Việt	1.500.000VND	15/04/2010	75
		Tiếng Anh	150USD		
11	Báo cáo thường niên Thịt và Thực phẩm Việt Nam 2009 và Triển vọng 2010	Tiếng Việt	1.500.000VND	05/04/2010	81
		Tiếng Anh	150USD	29/04/2010	
12	Báo cáo thường niên thị trường Thức ăn chăn nuôi 2009 & quý 1 năm 2010 - Triển vọng 2010	Tiếng Việt	1.500.000VND	17/04/2010	100
		Tiếng Anh	150USD	18/05/2010	

II Báo cáo đặc biệt					
1	Báo cáo triển vọng xuất khẩu thủy sản Việt Nam trước bối cảnh khủng hoảng EU	Tiếng Việt	1.000.000VND	26/06/2010	
		Tiếng Anh	100USD		
2	Báo cáo thịt và thực phẩm 6 tháng đầu năm 2010 và triển vọng sắp tới	Tiếng Việt	1.000.000VND	30/07/2010	
		Tiếng Anh	100USD		
III	Báo cáo tháng 				
1	Triển vọng ngành Phân bón	Tiếng Việt	1.000.000VND	Hàng tháng	
		Tiếng Anh	100USD		
2	Triển vọng ngành Lúa gạo	Tiếng Việt	1.000.000VND	Hàng tháng	
		Tiếng Anh	100USD		
3	Triển vọng ngành Thủy sản	Tiếng Việt	1.000.000VND	2 tháng/1 số	
4	Triển vọng ngành Thức ăn chăn nuôi	Tiếng Việt	1.000.000VND	Hàng tháng	
		Tiếng Anh	100USD		
5	Triển vọng ngành Cao su	Tiếng Việt	1.000.000VND	Hàng tháng	
		Tiếng Anh	100USD		
IV Bản tin tuần					
1	Bản tin điện tử tuần: Thị trường và Thương mại Lúa gạo Việt Nam	Tiếng Việt	400.000VND	Hàng tuần	
		Tiếng Anh	50USD		
2	Bản tin điện tử tuần: Thị trường và Thương mại Thịt và Thực phẩm Việt Nam	Tiếng Việt	400.000VND	Hàng tuần	
		Tiếng Anh	50USD		
3	Bản tin điện tử tuần: Thị trường và Thương mại Thức ăn chăn nuôi Việt Nam	Tiếng Việt	400.000VND	Hàng tuần	
		Tiếng Anh	50USD		
4	Bản tin điện tử tuần: Thị trường và Thương mại Thủy sản Việt Nam	Tiếng Việt	400.000VND	Hàng tuần	
		Tiếng Anh	50USD		
5	Bản tin điện tử tuần: Thị trường và Thương mại Phân bón Việt Nam	Tiếng Việt	400.000VND	Hàng tuần	
		Tiếng Anh	50USD		
6	Bản tin nông sản tuần	Tiếng Việt	1.500.000VND	Hàng tuần	
		Tiếng Anh	150USD		
V Ấn phẩm hỗ trợ khách hàng					
1	Chuyên đề đặc biệt	Tiếng Việt			
2	Lăng kính chuyên gia	Tiếng Việt			

Quý khách đặt mua báo cáo xin mời liên hệ:

Bộ phận dịch vụ khách hàng

Chị Nguyễn Kim Phụng: 0943411411

Email: agromonitor.hn@gmail.com

Các ý kiến đóng góp xin liên hệ:

Ban Phân tích và dự báo

Điện thoại: 84 4 62733596

Email: info@agromonitor.vn

Quý độc giả quan tâm tới các báo cáo sẽ ra mắt trong thời gian tới của Công ty xin liên hệ theo số điện thoại 0943 411 411 của bộ phận dịch vụ khách hàng hoặc truy cập website: www.agromonitor.vn để biết thêm chi tiết.